



TETSTOCK
fresh always

STEVEN B. ACHELIS

Phân tích Kỹ thuật

Technical Analysis

từ
from

A

đến
to

Z

ĐÁY ĐÙ MỌI CÔNG CỤ GIAO DỊCH
TỪ ABSOLUTE BREADTH INDEX
ĐẾN ZIG ZAG



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

Xem Thêm Ebook <https://www.Tbooks.Cloud>

[Sinvest.vn](https://www.Sinvest.vn)

ƯU ĐÃI THÀNH VIÊN TBooks

- ✓ Tặng 10GB lưu dữ liệu sách
- ✓ Tạo thư viện riêng bản thân
- ✓ Download Nhanh trực tiếp, không quảng cáo

ĐĂNG KÝ NGAY GIẢM 30%



Giới Thiệu Ứng Dụng Tbooks

TBooks – Ứng Dụng Giúp Bạn Download, Lưu Trữ Ebook và tạo thư viện Ebook online riêng mình.

Website: [Tbooks.Cloud](https://www.tbooks.cloud)

Ebooks Kindle tải trực tiếp: [Thư Viện Kindle](#)

List Sách Tbooks: [Link](#)

Đây Là Ứng Dụng Giúp Bạn Lưu Trữ Ebook và tạo thư viện riêng mình, Tbooks Cloud giúp các bạn dùng kindle, Android, Iphone, Windows có thể tải ebook từ internet dễ dàng, ngoài ra bạn còn có thể tạo một thư viện riêng cho mình trên ứng dụng từ nay cần gì bạn có thể tải về nhanh chóng không cần chép vào máy nặng máy, tốn pin máy đọc sách, không còn nỗi lo mất ebook vì tất cả ebook lưu trên cloud.

Ưu điểm TBooks so với App ebook, sách khác thị trường:

- Upload file ebook tới 100mb
- Tạo thư viện ebook cá nhân, có thể chia sẻ bạn bè.
- Kho data lớn 50.000 ebook nhiều thể loại, có thể nói kho ebook lớn nhất Việt Nam cập nhật thêm mỗi ngày
- Tải trực tiếp click là download ngay không cần chờ đợi
- Giao diện đơn giản chỉ có hiển thị bìa sách và tìm kiếm.
- Nhiều định dạng file Azw3/Epub/Pdf/Mobi phù hợp cho tất cả thiết bị
 - Giao diện nhiều thiết bị điện thoại, ipad, ngay cả máy đọc sách như kindle luôn nhé, này đảm bảo chỉ Tbooks Cloud mình là thân thiện nhất theo mình biết.
- Sử dụng cloud server riêng, tự mình setup chứa ebook
- Tự động backup dữ liệu mỗi ngày tránh sự cố mất data
- Có ứng dụng cho điện thoại Android. Phiên bản web app cho ios, máy đọc sách kindle
- Tham gia group cộng đồng chia sẻ ebook hay

Link <https://www.facebook.com/groups/tbooksgroup>

STEVEN B. ACHELIS

Phân tích Kỹ thuật

Technical Analysis



Phân tích Kỹ thuật từ A đến Z

**Technical Analysis
from A to Z**

MỤC LỤC

LỜI TỰA CỦA ÁN BẢN ĐẦU TIÊN.....	xiii
LỜI TỰA CỦA ÁN BẢN THỨ HAI.....	xiv
LỜI CẢM ƠN	xv
THUẬT NGỮ	xvi
TÍNH TOÁN	xvii
Làm tròn số	xvii
Phụ lục bảng tính chi tiết	xvii
HỌC, HỌC NỮA, HỌC MÃI	xviii

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT..... 1

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT.....	2
Đôi nét về phân tích kỹ thuật.....	2
Yếu tố con người	2
Phân tích cơ bản.....	3
Dựa vào quá khứ, dự báo tương lai	3
Nhà khí tượng học	3
Vòng quay Roulette.....	4
Giao dịch bằng máy tính	5
CÁC THÔNG SỐ GIÁ	6
ĐỒ THỊ	7
Đồ thị dạng đường.....	8
Đồ thị dạng cột.....	8
Thang đo bán logarit và Thang đo số học	9

Đồ thị khối lượng giao dịch dạng cột	11
Các dạng đồ thị khác	11
KHUNG THỜI GIAN	12
YẾU TỐ THỜI GIAN	13
HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ	14
Cung – Cầu	18
Giai đoạn phân vân của nhà đầu tư	19
Ngưỡng kháng cự trở thành Ngưỡng hỗ trợ	23
Tóm tắt	25
XU HƯỚNG	25
TRUNG BÌNH ĐỘNG	27
Kỳ giao dịch trong Trung bình động	29
Ưu điểm và Hạn chế	30
Giai đoạn phân vân của nhà đầu tư	30
CHỈ BÁO	31
Phân kỳ và Hội tụ của đường Trung bình động (MACD)	31
Chỉ báo cho Tín hiệu sớm và Chỉ báo cho Tín hiệu trễ	33
Giá có Xu hướng và Giá đi ngang	35
Phân kỳ	36
CHỈ BÁO THỊ TRƯỜNG	37
Phân loại Chỉ báo thị trường	38
CÁC CÔNG CỤ PHÂN TÍCH DẠNG ĐƯỜNG	41
CÁCH TIẾP CẬN ĐIỂN HÌNH	41
TỔNG KẾT	43
<hr/>	
PHẦN 2: NỘI DUNG CHI TIẾT	45
ABSOLUTE BREADTH INDEX	46
ACCUMULATION/DISTRIBUTION LINE	48

ACCUMULATION SWING INDEX	51
ADVANCE/DECLINE LINE	52
ADVANCE/DECLINE RATIO	55
ADVANCING-DECLINING ISSUES	56
ADVANCING, DECLINING, UNCHANGED VOLUME.....	58
ANDREWS'S PITCHFORK.....	60
ARMS INDEX (TRIN)	61
AROON.....	64
AVERAGE TRUE RANGE.....	68
BOLLINGER BANDS	71
BREADTH THRUST	74
BULL/BEAR RATIO.....	78
CANDLESTICKS, JAPANESE	79
CANSLIM	90
CHAIKIN MONEY FLOW.....	93
CHAIKIN OSCILLATOR.....	96
CHANDE MOMENTUM OSCILLATOR	100
COMMODITY CHANNEL INDEX.....	103
COMMODITY SELECTION INDEX	106
CORRELATION ANALYSIS	108
CUMULATIVE VOLUME INDEX	110
CYCLES	112
DEMAND INDEX.....	116
DETRENDED PRICE OSCILLATOR	117
DIRECTIONAL MOVEMENT.....	119
DOUBLE EXPONENTIAL MOVING AVERAGE	121
DOW THEORY	123
DYNAMIC MOMENTUM INDEX	128

EASE OF MOVEMENT	130
EFFICIENT MARKET THEORY.....	133
ELLIOTT WAVE THEORY	134
ENVELOPES (TRADING BANDS)	137
EQUIVOLUME.....	138
FIBONACCI STUDIES.....	141
FORECAST OSCILLATOR	145
FOUR PERCENT MODEL.....	147
FOURIER TRANSFORM.....	149
FUNDAMENTAL ANALYSIS	151
GANN ANGLES	153
HERRICK PAYOFF INDEX.....	156
INERTIA	157
INTEREST RATES	158
INTRADAY MOMENTUM INDEX	161
KAGI	164
KLINGER OSCILLATOR.....	167
LARGE BLOCK RATIO.....	171
LINEAR REGRESSION INDICATOR.....	172
LINEAR REGRESSION SLOPE	174
LINEAR REGRESSION TRENDLINES	176
MARKET FACILITATION INDEX	178
MASS INDEX.....	181
McCLELLAN OSCILLATOR.....	183
McCLELLAN SUMMATION INDEX.....	187
MEDIAN PRICE.....	190
MEMBER SHORT RATIO	192

MESA SINE WAVE.....	193
MOMENTUM.....	195
MONEY FLOW INDEX.....	197
MOVING AVERAGE CONVERGENCE/DIVERGENCE.....	199
MOVING AVERAGES.....	203
Trung bình động giản đơn.....	207
Trung bình động hàm số mũ.....	208
Trung bình động theo chuỗi thời gian.....	210
Trung bình động tam giác.....	210
Trung bình động biến số.....	210
Trung bình động điều chỉnh theo khối lượng.....	212
Trung bình động có trọng số.....	212
NEGATIVE VOLUME INDEX.....	214
NEW HIGHS-LOWS CUMULATIVE.....	217
NEW HIGHS/LOWS RATIO.....	218
NEW HIGHS-NEW LOWS.....	220
ODD LOT BALANCE INDEX.....	222
ODD LOT PURCHASES/SALES.....	224
ODD LOT SHORT RATIO.....	225
ODDS PROBABILITY CONES.....	227
ON BALANCE VOLUME.....	229
OPEN INTEREST.....	232
OPEN-10 TRIN.....	233
OPTION ANALYSIS.....	236
OVERBOUGHT/OVER SOLD.....	240
PARABOLIC SAR.....	242
PATTERNS.....	245
PERCENT RETRACEMENT.....	250

PERFORMANCE	251
POINT AND FIGURE.....	253
POLARIZED FRACTAL EFFICIENCY.....	256
POSITIVE VOLUME INDEX	257
PRICE AND VOLUME TREND	261
PRICE CHANNEL	263
PRICE OSCILLATOR.....	265
PRICE RATE-OF-CHANGE.....	267
PROJECTION BANDS.....	270
PROJECTION OSCILLATOR	271
PUBLIC SHORT RATIO.....	274
PUTS/CALLS RATIO	276
QSTICK.....	278
QUADRANT LINES.....	280
R-SQUARED.....	282
RAFF REGRESSION CHANNEL	284
RANDOM WALK INDEX	285
RANGE INDICATOR.....	287
RECTANGLE	290
RELATIVE MOMENTUM INDEX	291
RELATIVE STRENGTH, COMPARATIVE	294
RELATIVE STRENGTH INDEX.....	297
RELATIVE VOLATILITY INDEX.....	300
RENKO	302
SPEED RESISTANCE LINES	305
SPREADS	306
STANDARD DEVIATION	308

TÍNH TOÁN

Rất nhiều công thức và bảng biểu giải thích cách tính các chỉ báo được trình bày xuyên suốt cuốn sách. Nếu chỉ đơn giản muốn sử dụng chỉ báo, bạn có thể bỏ qua phần tính toán phức tạp này.

LÀM TRÒN SỐ

Giống như trong phần mềm máy tính, giá trị trong bảng thường được làm tròn. Ví dụ, giá trị 9,87654321 được làm tròn thành 9,877. Tuy nhiên, giá trị được sử dụng để tính toán là giá trị đầy đủ (chứ không phải là giá trị làm tròn được hiển thị trên bảng).

PHỤ LỤC BẢNG TÍNH CHI TIẾT

Tôi cố gắng tối đa để trình bày đầy đủ cách tính chi tiết các chỉ báo trong cuốn sách này nếu điều kiện cho phép. Tuy nhiên, do giới hạn của cuốn sách và/hoặc sự phức tạp của vấn đề nên tôi không thể trình bày cách tính chi tiết đối với một số chỉ báo.

Để giúp bạn hiểu rõ hơn về cách tính, tôi có phát triển một phụ lục bảng tính chi tiết trình bày cách tính của hơn 100 chỉ báo trong cuốn sách này. Mỗi bảng tính được thể hiện trong một trang riêng. Có thể tham khảo Phụ lục bảng tính chi tiết (The A-to-Z Companion Spreadsheet) tại [AtoZbook.com](https://www.AtoZbook.com).

STANDARD DEVIATION CHANNEL	310
STANDARD ERROR	311
STANDARD ERROR BANDS	313
STANDARD ERROR CHANNEL	315
STIX	316
STOCHASTIC MOMENTUM INDEX	318
STOCHASTIC OSCILLATOR	321
SWING INDEX	326
TEMA	328
THREE LINE BREAK	330
TIME SERIES FORECAST	333
TIRONE LEVELS	335
TOTAL SHORT RATIO	336
TRADE VOLUME INDEX	338
TRENDLINES	341
TRIX	342
TYPICAL PRICE	344
ULTIMATE OSCILLATOR	346
UPSIDE/DOWNSIDE RATIO	348
UPSIDE/DOWNSIDE VOLUME	350
VERTICAL HORIZONTAL FILTER	351
VOLATILITY, CHAIKIN'S	354
VOLUME	356
VOLUME OSCILLATOR	358
VOLUME RATE-OF-CHANGE	360
WEIGHTED CLOSE	362
WILDER'S SMOOTHING	364

WILLIAMS'S ACCUMULATION/DISTRIBUTION	366
WILLIAMS'S %R.....	369
ZIG ZAG	372
CHỈ MỤC.....	375

LỜI TỰA CỦA ÁN BẢN ĐẦU TIÊN

Trong mười năm qua, tôi đã gặp rất nhiều bậc thầy về phân tích kỹ thuật cũng như đã chia sẻ kinh nghiệm với hàng ngàn nhà đầu tư mới tiếp cận phân tích kỹ thuật. Một điểm thường thấy ở những nhà đầu tư này là dù giỏi đến đâu thì họ vẫn luôn khát khao tìm hiểu thêm.

Chưa có một cuốn sách hay bộ sách nào có thể trình bày đầy đủ về phân tích kỹ thuật, không chỉ vì phân tích kỹ thuật có phạm vi nghiên cứu quá rộng, từ báo cáo của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho đến cung Fibonacci, mà còn vì lĩnh vực này phát triển nhanh đến nỗi nội dung viết hôm nay thì đến ngày mai đã cần phải bổ sung và hoàn thiện.

Từ thực tế này và sau khi tham khảo vô số sách về phân tích kỹ thuật hiện có, tôi nhận thấy cần phải có một cuốn sách tham khảo về phân tích kỹ thuật thật súc tích và đáp ứng nhu cầu của cả nhà đầu tư mới lẫn nhà đầu tư kỳ cựu. Đây chính là lý do thôi thúc tôi viết cuốn sách này.

Nửa đầu cuốn sách dành cho những nhà đầu tư mới tiếp cận phân tích kỹ thuật, giới thiệu những khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực này. Nửa sau là phần dành cho những ai đang sử dụng phân tích kỹ thuật, trình bày những lý giải súc tích về rất nhiều công cụ phân tích kỹ thuật dưới dạng tra cứu.

Khi cha tôi bắt đầu sử dụng phân tích kỹ thuật 30 năm trước, nhiều người vẫn cho rằng phân tích kỹ thuật chỉ là một cuộc phiêu lưu nửa của thập niên 1960. Ngày nay, phân tích kỹ thuật đã được hầu hết các trường đại học và tổ chức đầu tư thừa nhận là một phương pháp phân tích hiệu quả. Rất hiếm khi người ta ra quyết định đầu tư quan trọng mà không tham khảo phân tích kỹ thuật. Tuy nhiên, ngay cả khi đã được thừa nhận, số lượng người thật sự sử dụng phân tích kỹ thuật vẫn còn khá khiêm tốn. Vì vậy, tôi mong rằng sự ra đời của cuốn sách này sẽ nâng cao nhận thức và gia tăng việc sử dụng phân tích kỹ thuật, qua đó giúp người sử dụng cải thiện hiệu quả đầu tư.

LỜI TỰA CỦA ÁN BẢN THỨ HAI

So với ấn bản đầu tiên, ấn bản thứ hai của cuốn Phân tích Kỹ thuật từ A đến Z (Technical Analysis from A to Z) cập nhật tất cả các ví dụ minh họa, bổ sung hơn 30 chỉ báo mới và cách tính chi tiết của hơn 80 chỉ báo.

Trong khi cuốn sách này đã có thay đổi đáng kể thì thị trường cũng có những chuyển biến lớn lao như: sự bùng nổ của Internet cũng như sự phát triển của giao dịch trực tuyến và nền kinh tế số; sự xuất hiện của những công ty dù mới có ít khách hàng và lợi nhuận chưa đáng kể nhưng vẫn được thị trường định giá cao. Tuy vậy, có một sự thật luôn tồn tại trong suốt giai đoạn biến đổi không ngừng này: giá chứng khoán dựa trên kỳ vọng và cảm xúc của nhà đầu tư. Khi mà thị trường không còn quan tâm đến yếu tố nền tảng cơ bản (lợi nhuận) của một doanh nghiệp thì phân tích kỹ thuật sẽ phát huy tối đa hiệu quả!

LỜI CẢM ƠN

Một cây làm chẳng lên non. Cuốn sách này không thể hoàn thành nếu không có sự giúp đỡ của hàng ngàn nhà phân tích đã và đang nghiên cứu thị trường và chia sẻ kinh nghiệm của mình. Tôi xin cảm ơn tất cả những con người đó.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến John Slauson và Jon DeBry, hai người bạn và cũng là đồng nghiệp đã dành không biết bao nhiêu thời gian để hiệu chỉnh và hoàn thiện các nghiên cứu. Nếu không có sự giúp đỡ của họ, cuốn sách này sẽ không thể đến tay quý độc giả.

LỜI CẢM ƠN CỦA VIETSTOCK

Lần đầu tiên, một cuốn sách chuyên về Phân tích Kỹ thuật được xuất bản chính thức tại Việt Nam. Để cuốn sách có thể hoàn thành và đến tay quý độc giả, chúng tôi chân thành cảm ơn:

- Đội ngũ biên dịch và biên tập đã ngày đêm làm việc không ngừng nghỉ nhằm đem đến cho quý độc giả phiên bản tiếng Việt của cuốn sách Phân tích Kỹ thuật từ A đến Z đúng bản chất phân tích kỹ thuật, dễ đọc và dễ hiểu nhất.
- Đội ngũ thiết kế đã hoàn thiện chế bản để phiên bản tiếng Việt gần gũi với nguyên gốc tiếng Anh.
- Quý độc giả đón nhận cuốn sách đầy nhiệt tình và hào hứng.

Mặc dù Vietstock đã biên tập kỹ lưỡng, nhưng không thể tránh khỏi sai sót. Mọi ý kiến đóng góp của quý độc giả sẽ giúp chúng tôi hoàn thiện hơn trong các lần xuất bản sau. Mọi ý kiến xin gửi về email: ptktAZ@vietstock.vn.

THUẬT NGỮ

Để ngắn gọn, tôi dùng thuật ngữ “chứng khoán” khi muốn đề cập đến công cụ tài chính có thể giao dịch được, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, hàng hóa, hợp đồng tương lai, chỉ số, chứng chỉ quỹ, hợp đồng quyền chọn,... Khi tôi nói đến một sản phẩm đầu tư cụ thể (ví dụ, tôi có thể nói “cổ phiếu” để ám chỉ chứng khoán vốn), thì khái niệm đầu tư mà tôi đề cập ở đây có liên quan đến công cụ tài chính được giao dịch rộng rãi trên thị trường.

*Cũng giống như tiền bạc,
không có từ ngữ nào là vô
dụng, trừ khi không được
đem ra sử dụng.*

-Samuel Butler, 1902

Tương tự, tôi gộp chung thuật ngữ “đầu tư” và “đầu cơ”. Nhà đầu tư (investor) thường nắm giữ chứng khoán dài hạn, trong khi nhà đầu cơ (trader) lại thường nắm giữ khá ngắn hạn. Các khái niệm và kỹ thuật cơ bản trong cuốn sách này đều có thể được áp dụng cho cả hai trường hợp.

HỌC, HỌC NỮA, HỌC MÃI

Giới đầu tư đều có chung ước muốn - Khát khao tìm hiểu cái mới. Để tìm hiểu thêm về phân tích kỹ thuật và đồ thị, bạn có thể tham khảo tại www.equis.com. Equis sở hữu nhiều sách, phần mềm phân tích kỹ thuật và tài liệu giảng dạy phong phú và có giá trị cao.

Ấn bản thứ hai này được xuất bản với sự giúp đỡ của Jon DeBry. Jon từng là một lập trình viên cao cấp của dự án phần mềm phân tích đầu tư MetaStock tại Equis. Jon hiện đang là nhà quản lý đầu tư và lập trình viên phần mềm đầu tư độc lập.

Truy cập www.debry.com hay gửi email cho Jon tại địa chỉ jdebry@debry.com để biết thêm chi tiết.

Steve Achelis

Có thể tìm hiểu thêm Phụ lục bảng tính chi tiết, phần hiệu đính, danh mục sách tham khảo và các thông tin liên quan khác tại AtoZbook.com.

1

PHẦN 1

GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Phần 1 của cuốn sách dành cho những nhà đầu tư bắt đầu tiếp cận phân tích kỹ thuật. Nội dung phần này trình bày một cách chính xác các khái niệm và thuật ngữ cơ bản của phân tích kỹ thuật. Nếu đã biết về phân tích kỹ thuật, bạn nên bắt đầu với Phần 2 (trang 45).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Hôm nay tôi có nên mua chứng khoán hay không? Ngày mai, tuần tới, hay năm tới giá chứng khoán sẽ như thế nào? Liệu việc đầu tư sẽ trở nên dễ dàng hơn không khi chúng ta biết được câu trả lời cho những câu hỏi dường như khá đơn giản này?

Nếu bạn đọc cuốn sách này với hy vọng phân tích kỹ thuật sẽ trả lời cho những câu hỏi trên thì tôi e rằng bạn sẽ sớm thất vọng. Tuy nhiên, nếu kỳ vọng phân tích kỹ thuật sẽ giúp bạn cải thiện hoạt động đầu tư thì tôi tin rằng bạn sẽ hài lòng.

Đôi nét về phân tích kỹ thuật

Nghe có vẻ phức tạp, nhưng “phân tích kỹ thuật” chỉ là tên gọi của một phương pháp phân tích đầu tư rất cơ bản. Nói đơn giản, phân tích kỹ thuật là nghiên cứu về giá thông qua các dạng đồ thị nhằm đầu tư hiệu quả hơn.

Nguồn gốc của phân tích kỹ thuật hiện đại xuất phát từ Lý thuyết Dow do Charles Dow phát triển vào khoảng năm 1900. Charles Dow đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của phân tích kỹ thuật hiện đại. Lý thuyết Dow tập trung chủ yếu vào sự biến động của giá, tạo nền tảng cho việc phát triển một phương pháp phân tích đầu tư hoàn toàn mới.

Dù bắt nguồn trực tiếp hay gián tiếp từ Lý thuyết Dow, phân tích kỹ thuật bao gồm một số nguyên lý cơ bản như giá dịch chuyển theo xu hướng, giá phản ánh mọi thông tin, các tín hiệu xác nhận và phân kỳ, khối lượng phản ánh sự thay đổi xu hướng của giá và ngưỡng hỗ trợ/kháng cự. Cũng nên lưu ý rằng, chỉ số Dow Jones Industrial Average (DJIA) là một thành phần không thể thiếu của Lý thuyết Dow.

Yếu tố con người

Giá chứng khoán thể hiện sự đồng thuận. Đó là mức giá mà một người đồng ý mua còn người khác đồng ý bán. Mức giá mà nhà đầu tư sẵn sàng mua vào hoặc bán ra phụ thuộc chủ yếu vào kỳ vọng. Nếu kỳ vọng giá chứng khoán tăng, nhà đầu tư sẵn lòng mua vào; còn nếu kỳ vọng giá chứng khoán giảm, họ sẽ bán ra. Những lập luận nghe có vẻ đơn giản này lại là thách thức lớn trong việc dự báo giá chứng khoán bởi vì chúng liên quan đến kỳ vọng của con người. Như chúng ta đã biết, không dễ gì cân đong đo đếm hoặc dự báo kỳ vọng của con người. Chính thực tế này làm cho các hệ thống giao dịch tự động không phải lúc nào cũng hoạt động hiệu quả.

Do có liên quan đến con người nên tôi tin chắc rằng nhiều quyết định đầu tư trên thế giới đang dựa trên các tiêu chí không phù hợp. Mối quan hệ với gia đình, hàng xóm, nhà tuyển dụng, điều kiện giao thông, thu nhập, những thành bại trong quá khứ đều ảnh hưởng đến niềm tin, kỳ vọng và quyết định của chúng ta.

Từ nhà quản lý quỹ cho đến bà nội trợ, bác sĩ đến sinh viên, kỹ sư đến công nhân, luật sư đến thợ hồ, người giàu đến người nghèo đều có ảnh hưởng đến giá chứng khoán. Đối tượng tham gia đa dạng đã khiến thị trường chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ và hào hứng bởi kỳ vọng của nhà đầu tư thường thay đổi từ thái cực này sang thái cực kia.

Phân tích cơ bản

Nếu tất cả chúng ta đều hoàn toàn dựa vào lý trí và không để cảm xúc tác động đến quyết định đầu tư của mình thì khi đó phân tích cơ bản - phương pháp định giá chứng khoán dựa trên thu nhập dự phóng (xem trang 151) - sẽ đem lại hiệu quả rất cao. Bởi vì kỳ vọng lý trí của chúng ta đều hoàn toàn giống nhau, nên giá chứng khoán chỉ thay đổi khi doanh nghiệp công bố báo cáo tài chính hoặc các thông tin liên quan. Do đó, nhà đầu tư sẽ tìm kiếm các thông tin cơ bản “chưa được đánh giá đúng mức” để xác định chứng khoán nào bị định giá thấp.

Là đề tài được bàn luận rất sôi nổi, “Lý thuyết thị trường hiệu quả” (xem trang 133) cho rằng giá chứng khoán thể hiện tất cả mọi thứ về chứng khoán đó tại một thời điểm xác định. Lý thuyết này kết luận rằng không thể dự báo giá của một chứng khoán vì giá đã phản ánh đầy đủ mọi thông tin.

Dựa vào quá khứ, dự báo tương lai

Biến số lớn trong giá chứng khoán chính là phần thặng dư/chiết khấu mà nhà đầu tư cộng/trừ vào giá “hợp lý” của chứng khoán đó.

Tôi tin rằng tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ bằng một con đường khác.

—Sir Arthur Wing Pinero, 1893

Nếu chúng ta cho rằng giá chứng khoán được xác định dựa trên kỳ vọng của nhà đầu tư, thì việc biết lý do tại sao chúng ta nên bán một chứng khoán (thông qua phân tích cơ bản) không còn quan trọng bằng việc biết lý do tại sao các nhà đầu tư khác lại muốn bán. Điều này không có nghĩa là việc biết lý do tại sao nên bán một chứng khoán là không quan trọng. Tuy nhiên, trong thực tế nhà đầu tư bình thường luôn có chung kỳ vọng về mức sinh lời của một chứng khoán mà bản thân họ không giải thích được. Biến số lớn trong giá chứng khoán chính là phần thặng dư/chiết khấu mà nhà đầu tư cộng/trừ vào giá “hợp lý” của chứng khoán đó.

Phân tích kỹ thuật là quá trình phân tích giá quá khứ của chứng khoán nhằm dự báo giá tương lai, thông qua việc so sánh biến động giá hiện tại (tức là kỳ vọng hiện tại) với biến động giá trong quá khứ để có được kết quả hợp lý. Quá trình này được một số chuyên viên theo trường phái phân tích kỹ thuật đúc kết thành câu cửa miệng “Lịch sử tự lặp lại”, trong khi những người khác cho rằng chúng ta nên học hỏi từ quá khứ.

Nhà khí tượng học

Nhà đầu tư sử dụng phân tích kỹ thuật để dự báo giá tương tự như nhà khí tượng học dựa vào hiện tượng thời tiết trong quá khứ và hiện tại để dự báo thời tiết.

Thông qua việc nghiên cứu luồng không khí, áp suất, nhiệt độ, độ ẩm không khí ở thời điểm hiện tại và trong quá khứ, một nhà khí tượng học có thể đưa ra dự báo thời tiết tương đối chính xác trong tương lai gần. Phương pháp này mặc dù không hoàn hảo vì thời tiết hay thay đổi bất ngờ nhưng lại có thể gia tăng đáng kể độ chính xác của dự báo.

Thật khó có thể dự báo thời tiết nếu chúng ta đóng cửa lại và ngồi trong nhà. Tuy nhiên, nếu bước ra ngoài trời với một bức ảnh mây vệ tinh thì thậm chí một người bình thường cũng có thể dự báo tương đối chính xác về thời tiết ngày mai.

Tương tự, cũng sẽ rất khó nếu không muốn nói là không thể để đầu tư nếu không nắm bắt được biến động giá hiện tại và quá khứ. Tuy nhiên, nhà đầu tư có thể đưa ra dự báo tương đối chính xác nếu dựa vào các thông tin cơ bản như xu hướng hiện tại, giá cao nhất/thấp nhất trong quá khứ, ngưỡng hỗ trợ/kháng cự, cũng như khối lượng giao dịch đi kèm với biến động giá.

Phân tích kỹ thuật là quá trình phân tích giá quá khứ nhằm dự báo giá tương lai.

Giống như dự báo thời tiết, phân tích kỹ thuật cũng không hoàn hảo nhưng thông tin trên đồ thị là một công cụ hỗ trợ quan trọng cho quá trình đầu tư.

Vòng quay Roulette

Theo kinh nghiệm của tôi, chỉ một số rất ít các chuyên viên phân tích kỹ thuật có thể xác định giá tương lai một cách nhất quán và chính xác. Tuy nhiên, kể cả khi không thể dự báo chính xác giá chứng khoán, chúng ta có thể sử dụng phân tích kỹ thuật để giảm thiểu rủi ro và gia tăng lợi nhuận.

Một phương thức khác mà phân tích kỹ thuật có thể trợ giúp hoạt động đầu tư chính là tham khảo cách vận hành của vòng quay Roulette. Tôi chỉ sử dụng phương thức này trong một chừng mực nhất định vì khả năng thắng của những người đánh bạc thấp hơn nhà đầu tư chứng khoán - dù chúng ta đang phân tích đầu tư nhưng cũng có thể áp dụng cách chơi Roulette ở đây.

Chủ sòng kiếm tiền không phải nhờ biết được kết quả sắp tới của vòng quay roulette mà bằng cách gia tăng lợi thế thông qua việc thêm vào hai ô: 0 và 00.

Có hai thời điểm trong đời mà chúng ta không nên đầu cơ. Đó là khi chúng ta không thể đầu cơ và khi chúng ta có thể.

—Mark Twain, 1897

Tương tự, khi mua chứng khoán, một nhà đầu tư không biết chắc chắn giá chứng khoán sẽ tăng. Tuy nhiên, nếu mua vào khi thị trường đang trong xu hướng tăng, sau một đợt bán tháo ngắn và lãi suất đang giảm, thì khả năng kiếm lời của nhà đầu tư đó đã được cải thiện. Đây không phải là cờ bạc mà là sự hiểu biết. Mặc dù vậy, nhiều nhà đầu tư chứng khoán vẫn mua vào mà không bao giờ phân tích.

Trái với suy nghĩ thông thường, chúng ta không nhất thiết phải luôn biết giá chứng khoán trong tương lai mới có thể kiếm lời. Mục đích của chúng ta đơn giản là nâng cao khả năng kiếm lời trong giao dịch. Thậm chí với

HÌNH 1



những kỹ thuật phân tích đơn giản như xác định xu hướng ngắn, trung và dài hạn của chứng khoán, chúng ta vẫn có lợi thế nhất định trong giao dịch.

Quan sát đồ thị của cổ phiếu Merck trong Hình 1, giá rõ ràng đang trong xu hướng giảm và không hề có dấu hiệu đảo chiều. Dù triển vọng lợi nhuận và các yếu tố cơ bản của Công ty này có thể rất tốt, nhưng việc mua vào chỉ hợp lý khi có tín hiệu kỹ thuật cho thấy giá đang thay đổi xu hướng.

Giao dịch bằng máy tính

Nếu cảm xúc và kỳ vọng của con người đóng vai trò quan trọng trong việc định giá chứng khoán thì chúng ta cũng nên thừa nhận rằng cảm xúc có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định đầu tư. Nhiều nhà đầu tư cố gắng loại bỏ cảm xúc khỏi hoạt động đầu tư bằng cách sử dụng máy tính. Ý tưởng về việc sử dụng máy tính thông minh có thể giúp chúng ta đưa ra quyết định đầu tư là rất thú vị, giống như “Hal” trong bộ phim *2001: A Space Odyssey*.

Thật vậy, hệ thống giao dịch tự động có thể giúp chúng ta loại bỏ cảm xúc khi ra quyết định. Chẳng hạn như, phần mềm phân tích kỹ thuật phổ biến MetaStock (được sử dụng để vẽ tất cả các đồ thị trong cuốn sách này) có thể kiểm nghiệm một chiến lược giao dịch với các thông số đầu vào như ngưỡng mua/bán, phí giao dịch và mức sinh lời kỳ vọng, từ đó phần mềm sẽ nhanh chóng tính toán từng giao dịch

và cho ra kết quả lời/lỗ cụ thể. Phần mềm cũng có thể tối ưu hóa các ngưỡng mua/bán của chúng ta bằng cách tự động điều chỉnh giá trị các thông số để nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tuy nhiên, vì đang phân tích một vấn đề thiên về cảm tính (kỳ vọng và cảm xúc của con người) nên chúng ta phải cẩn thận để không bị hệ thống tự động làm cho chúng ta tưởng rằng mình đang phân tích một vấn đề phi cảm tính.

Điều này không có nghĩa là chúng ta phủ nhận máy tính là một công cụ phân tích kỹ thuật hữu ích. Thực vậy, máy tính là công cụ không thể thiếu. Theo quan điểm của cá nhân tôi, phần mềm phân tích kỹ thuật đã hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư bình thường tiếp cận phương pháp phân tích này. Tuy nhiên, từng là một người phát triển các công cụ phân tích kỹ thuật, tôi cảnh báo chúng ta không nên để phần mềm làm cho mình tin rằng thị trường là hợp lý và có thể đoán trước được.

Hiểu rõ về doanh nghiệp, ngành nghề và môi trường đầu tư là yếu tố quan trọng. Thông tin trên Internet thường rất hấp dẫn, nhưng lượng thông tin và tin đồn tràn ngập như hiện nay sẽ khiến nhà đầu tư bối rối. Trong khi đó, một đồ thị đơn giản sẽ loại bỏ được tình trạng nhiễu thông tin và cho thấy mức giá “hợp lý” của chứng khoán.

CÁC THÔNG SỐ GIÁ

Phân tích kỹ thuật gần như hoàn toàn dựa trên phân tích giá và khối lượng giao dịch. Các thông số giá và khối lượng giao dịch của chứng khoán được giải thích như sau:

Giá mở cửa - Là mức giá của giao dịch đầu tiên trong kỳ (ví dụ: giao dịch đầu tiên của ngày). Khi phân tích dữ liệu hàng ngày, giá mở cửa có vai trò đặc biệt quan trọng vì đây là giá đã được các bên liên quan đồng thuận.

Giá cao nhất - Là mức giá cao nhất của chứng khoán trong kỳ. Đây là mức giá có nhiều người bán hơn người mua (tức là, luôn có nhiều người sẵn sàng bán với giá cao hơn, nhưng mức giá này là mức giá cao nhất mà người mua sẵn sàng mua vào).

Giá thấp nhất - Là mức giá thấp nhất của chứng khoán trong kỳ. Đây là mức giá có nhiều người mua hơn người bán (nghĩa là, luôn có nhiều người sẵn sàng mua ở mức giá thấp hơn, nhưng mức giá này là mức giá thấp nhất mà người bán sẵn sàng bán ra).

Giá đóng cửa - Là giá khớp cuối cùng của chứng khoán trong kỳ. Giá đóng cửa mang rất nhiều ý nghĩa và được sử dụng phổ biến nhất trong phân tích kỹ thuật. Mọi liên quan giữa giá mở cửa (giá đầu tiên) và giá đóng cửa (giá cuối cùng) được hầu hết các chuyên viên phân tích kỹ thuật coi trọng. Mọi liên quan này được thể hiện rõ trong đồ thị hình nến (xem trang 79).

Khối lượng giao dịch – Là số lượng cổ phần (hay hợp đồng) được giao dịch trong kỳ. Mối liên quan giữa giá và khối lượng giao dịch rất quan trọng (chẳng hạn như giá tăng đi kèm với sự gia tăng của khối lượng).

Hợp đồng phái sinh đang lưu hành – Là tổng số hợp đồng còn đang lưu hành (tức là những hợp đồng chưa được thực hiện, chưa đóng trạng thái hoặc chưa hết hạn) của hợp đồng tương lai hay quyền chọn. Hợp đồng phái sinh đang lưu hành thường được sử dụng như một chỉ báo (xem trang 232).

Giá chào mua – Là mức giá mà một nhà đầu tư sẵn sàng bỏ ra để mua một chứng khoán (tức là là mức giá mà chúng ta sẽ nhận được nếu bán ra).

Giá chào bán – Là mức giá mà một nhà đầu tư sẵn sàng chấp nhận bán (tức là mức giá chúng ta sẽ trả để mua chứng khoán).

Các loại thông số giá đơn giản này được sử dụng để tạo ra hàng trăm công cụ phân tích kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa giá, xu hướng, và mẫu hình,...Không phải tất cả các thông số giá này đều có sẵn cho mọi chứng khoán. Nhiều nhà cung cấp dữ liệu chứng khoán chỉ công bố một phần các thông số này. Bảng 1 biểu thị các thông số giá tiêu biểu thường được công bố đối với một số chứng khoán.

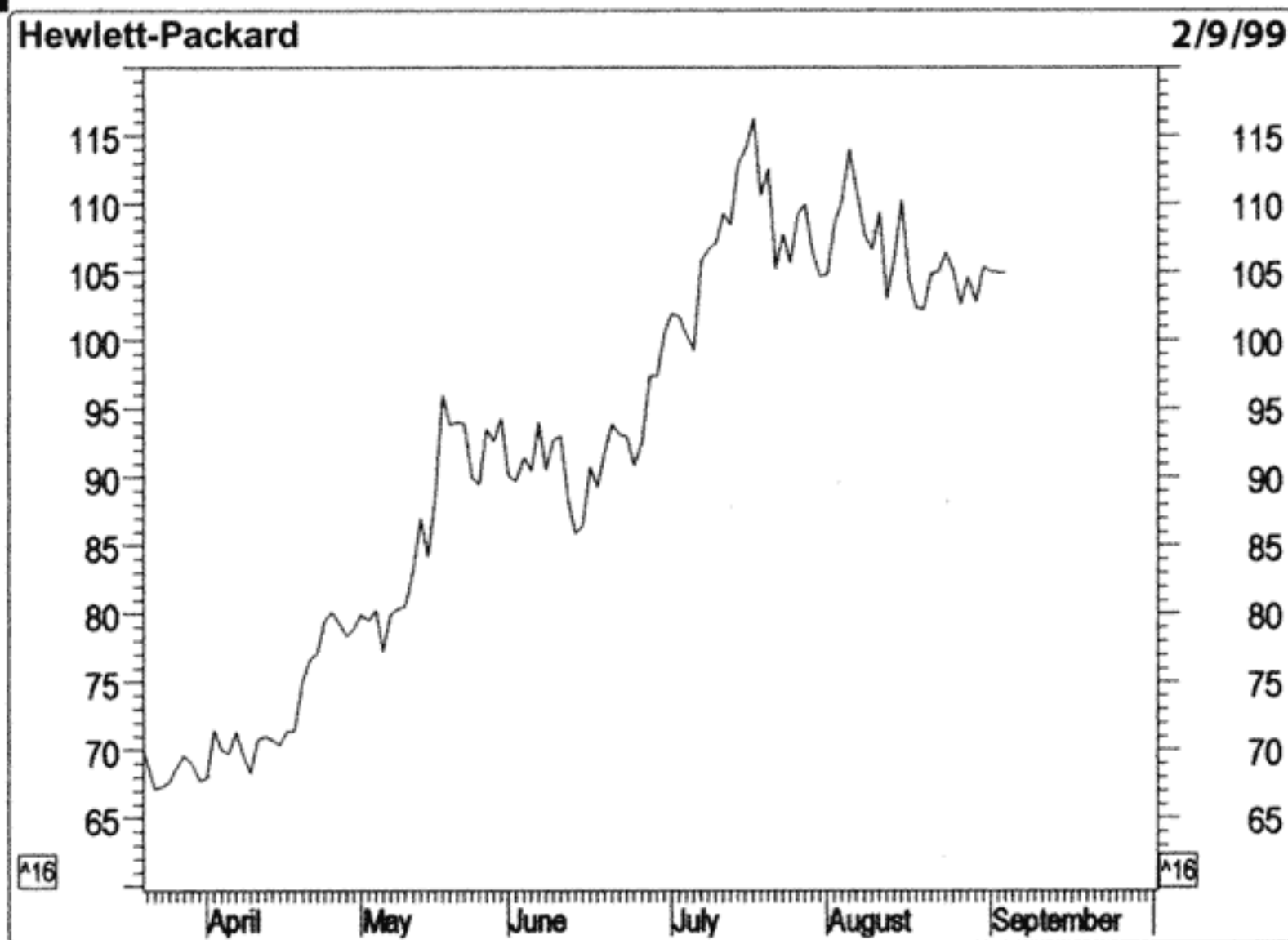
BẢNG 1

Thông số giá	Hợp đồng tương lai	Quỹ tương hỗ	Cổ phiếu	HĐ quyền chọn
Giá mở cửa	Có	Không	Thường có	Có
Giá cao nhất	Có	Quỹ đóng	Có	Có
Giá thấp nhất	Có	Quỹ đóng	Có	Có
Giá đóng cửa	Có	Có (*NAV)	Có	Có
Khối lượng giao dịch	Có	Quỹ đóng	Có	Có
HĐ phái sinh đang lưu hành	Có	N/A	N/A	Thường có
Giá chào mua	Trong ngày	Quỹ đóng	Trong ngày	Trong ngày
Giá chào bán	Trong ngày	Quỹ đóng	Trong ngày	Trong ngày

* NAV: Giá trị tài sản ròng

ĐỒ THỊ

Đồ thị là nền tảng của phân tích kỹ thuật. Trong trường hợp này, một hình vẽ thật sự đáng giá ngàn từ.

HÌNH 2

Đồ thị dạng đường (Line Charts)

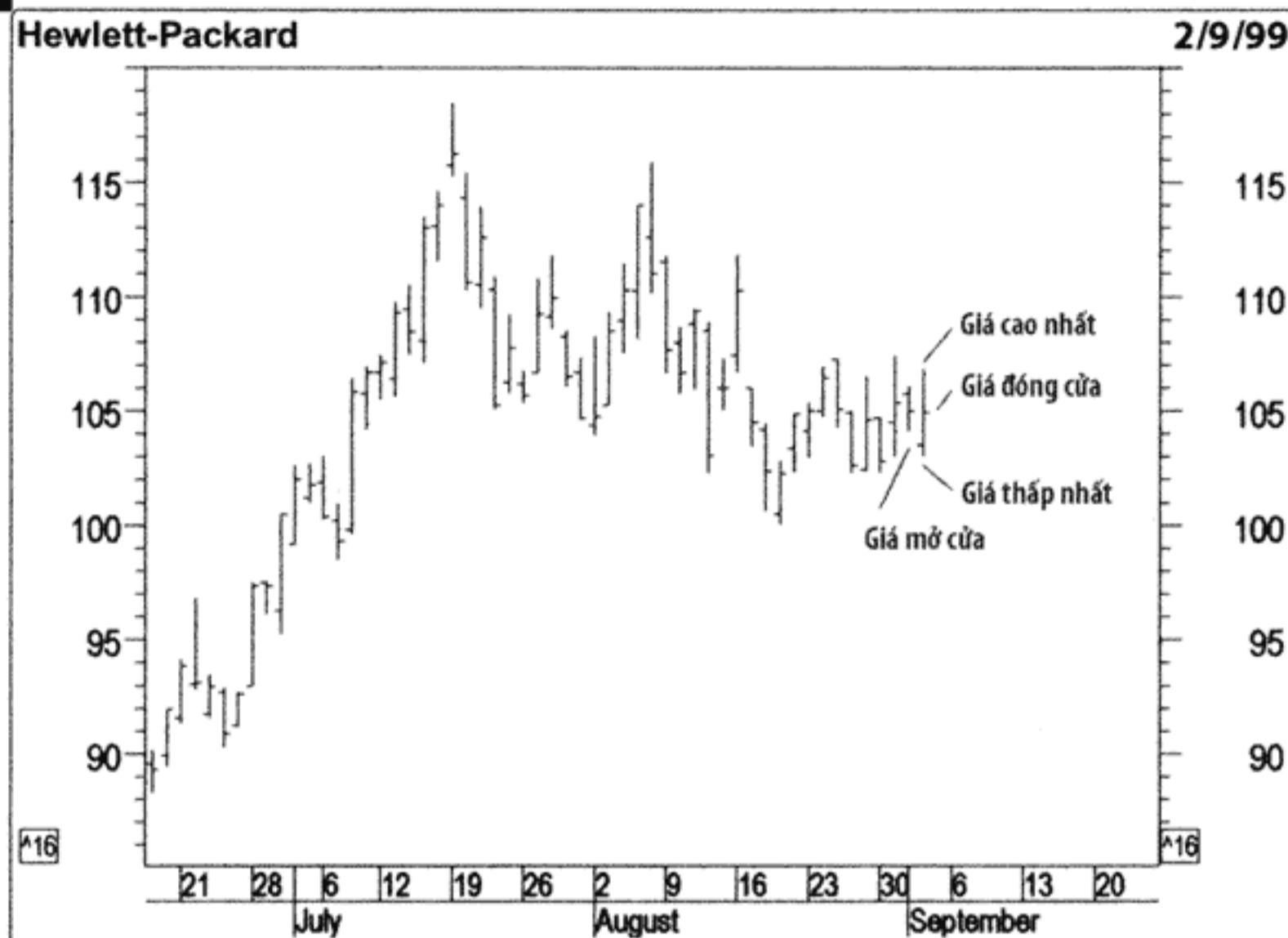
Đồ thị dạng đường là loại đồ thị đơn giản nhất. Như đã trình bày trong đồ thị của cổ phiếu Hewlett-Packard ở Hình 2, đường đồ thị đơn miêu tả giá đóng cửa hàng ngày. Thời gian được thể hiện ở trục hoành và giá được thể hiện ở trục tung.

Ưu điểm của đồ thị dạng đường chính là sự đơn giản, qua đó cho chúng ta cái nhìn thông suốt và dễ hiểu về giá chứng khoán. Đồ thị dạng đường thường sử dụng giá đóng cửa.

Đồ thị dạng cột (Bar Charts)

Đồ thị dạng cột thể hiện giá mở cửa (nếu có), giá cao nhất, giá thấp nhất và giá đóng cửa. Đồ thị dạng cột là dạng đồ thị chứng khoán phổ biến nhất.

Như minh họa ở Hình 3, phần trên cùng của cột thể hiện giá cao nhất của chứng khoán trong kỳ. Phần dưới cùng của cột thể hiện mức giá thấp nhất của chứng khoán. Vạch nằm ngang phía bên phải của cột biểu thị mức giá giao dịch cuối cùng trong kỳ của chứng khoán. Nếu có, giá mở cửa sẽ được thể hiện bằng vạch ngang phía bên trái cột.

HÌNH 3

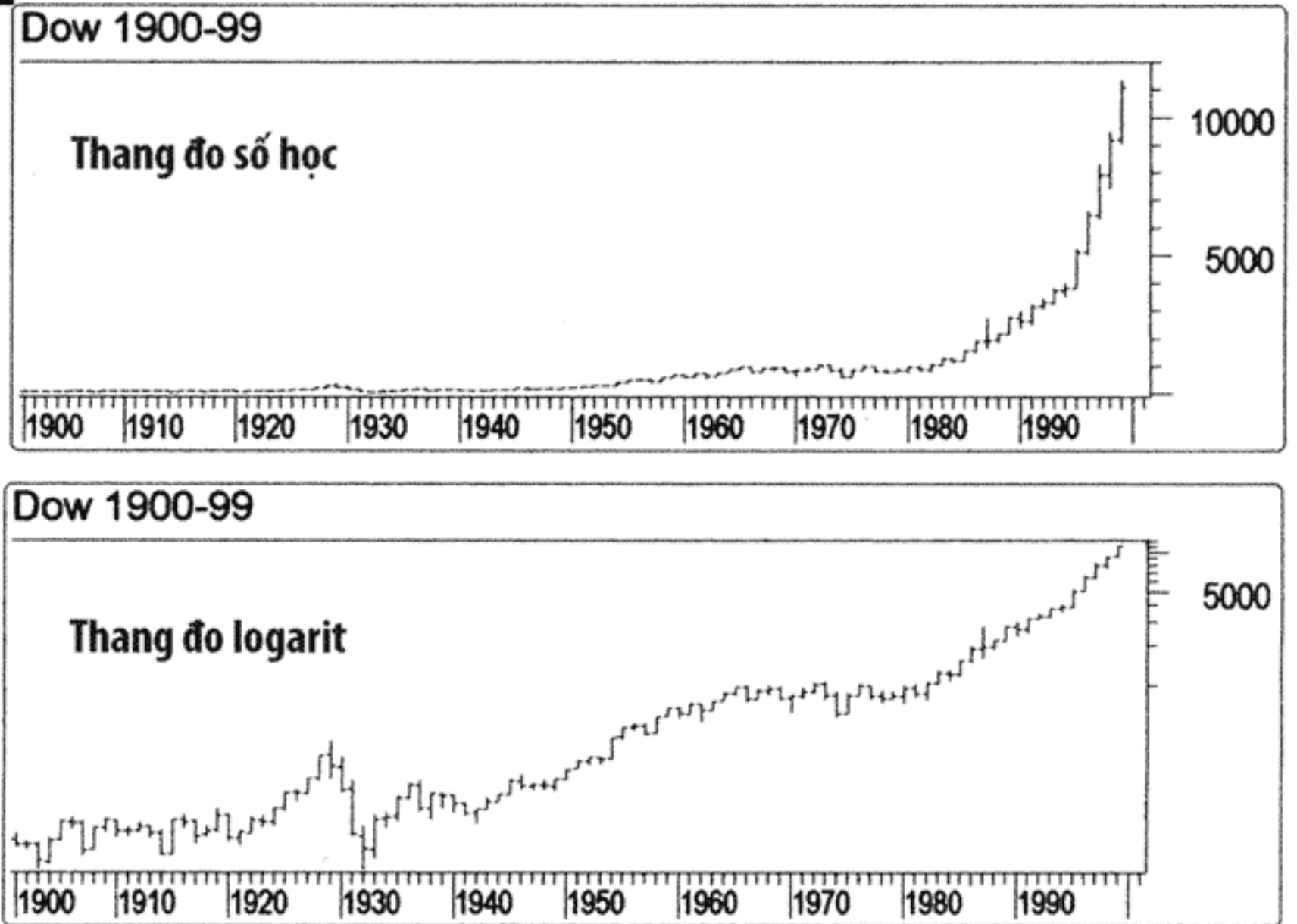
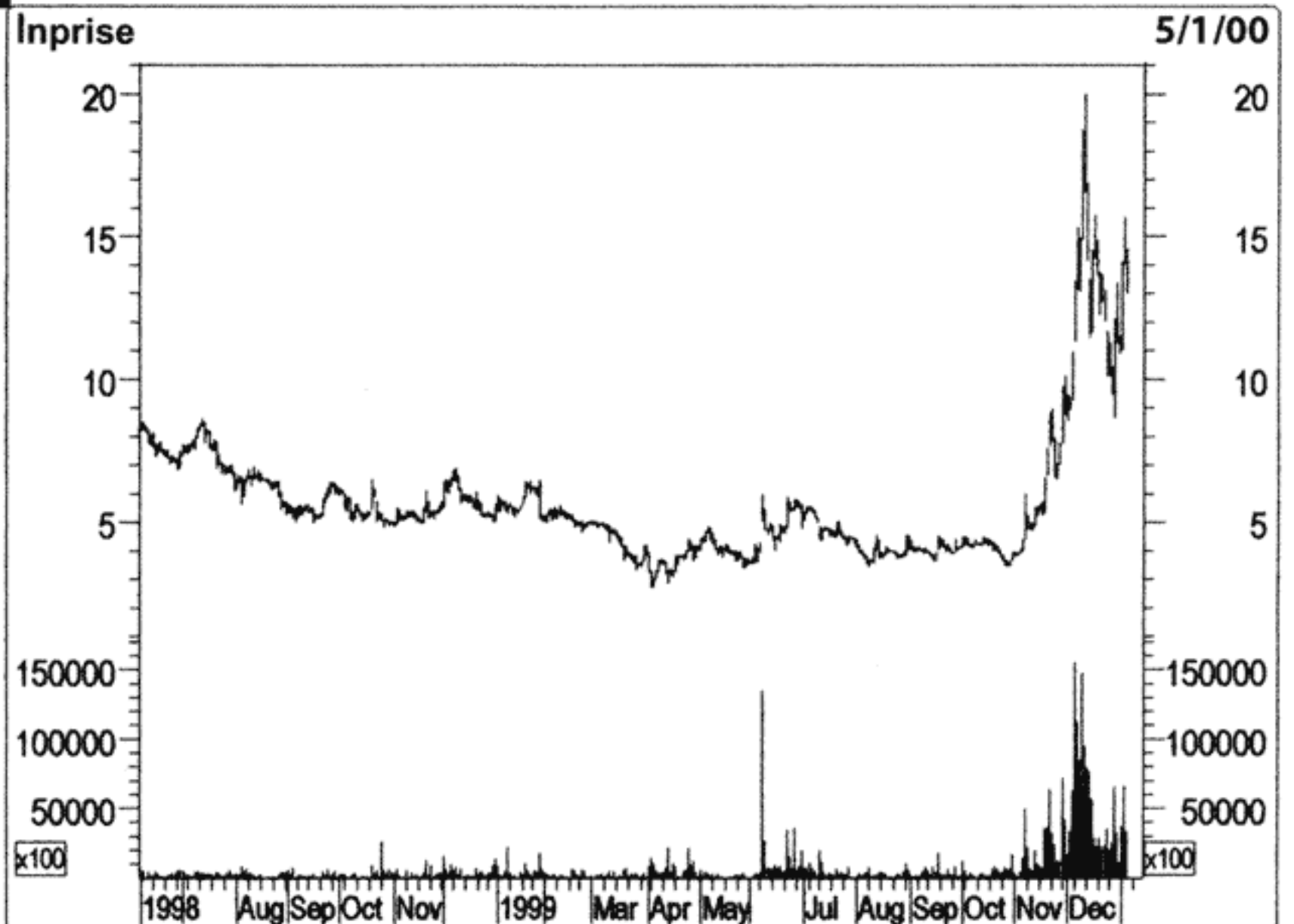
Thang đo bán logarit và Thang đo số học

Thang đo trục tung của đồ thị giá có thể được thể hiện theo hai cách sau.

Thang đo số học, khoảng cách giữa mỗi điểm là bằng nhau và không phụ thuộc vào giá trị cao hay thấp. Ví dụ, khoảng cách giữa 1 và 2 là bằng với khoảng cách giữa 98 và 99. Thang đo số học đôi khi cũng được gọi là thang đo tuyến tính.

Thang đo bán logarit, khoảng cách giữa mỗi điểm phụ thuộc vào giá trị của nó. Ví dụ, khoảng cách giữa 10 và 20 (cách 10 điểm và tăng 100%) bằng với khoảng cách giữa 50 và 100 (cách 50 điểm, nhưng vẫn tăng 100%). Thang đo bán logarit đôi khi còn được gọi là thang đo logarit hoặc thang đo tỷ lệ.

Hình 4 biểu thị chỉ số DJIA từ năm 1900 - 1999. Đồ thị bên trên sử dụng thang đo số học trong khi đồ thị bên dưới sử dụng thang đo bán logarit. Chú ý rằng, mức giá ở đồ thị với thang đo số học trông có vẻ "cao" hơn nhiều, trong khi đồ thị ở dưới có thể cho thấy mức giá sát với thực tế hơn, nhưng vẫn còn rất cao. Sự khác biệt giữa thang đo số học và thang đo bán logarit thể hiện rõ nhất khi giá thay đổi mạnh từ mức gần bằng 0.

HÌNH 4**HÌNH 5**

Đồ thị khối lượng giao dịch dạng cột

Khối lượng giao dịch thường được thể hiện bằng đồ thị dạng cột ở phần dưới của biểu đồ. Hình 5 cho thấy khối lượng giao dịch của cổ phiếu Insprise tăng như thế nào khi giá tăng vọt.

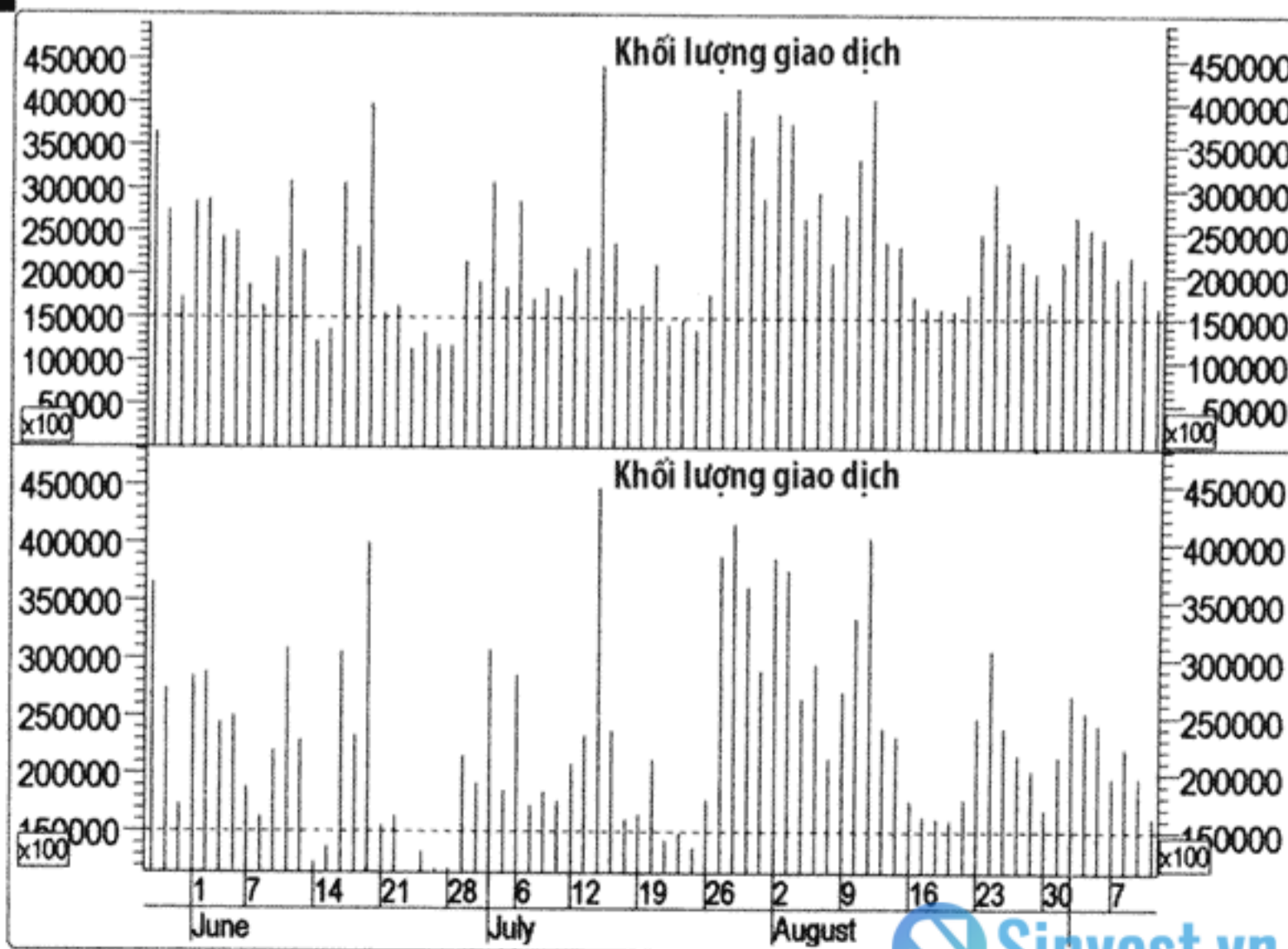
Hình 5 thể hiện khối lượng giao dịch xuất phát từ mức 0 (zero-based). Điều này có nghĩa là phần dưới cùng của mỗi cột khối lượng giao dịch có giá trị bằng 0. Tuy nhiên, phần lớn các nhà phân tích thích sử dụng khối lượng giao dịch điều chỉnh tương đối (relative-adjusted) hơn là khối lượng xuất phát từ mức 0. Khối lượng giao dịch điều chỉnh được tính bằng cách lấy khối lượng giao dịch của các kỳ trừ cho khối lượng giao dịch thấp nhất trong kỳ. Các cột khối lượng giao dịch điều chỉnh giúp chúng ta dễ dàng quan sát xu hướng của khối lượng giao dịch nhờ lược bỏ khối lượng thấp nhất hàng ngày.

Hình 6 cho thấy hai biểu đồ có cùng thông số khối lượng giao dịch. Biểu đồ phía trên thể hiện khối lượng giao dịch xuất phát từ mức 0 trong khi biểu đồ phía dưới thể hiện khối lượng giao dịch điều chỉnh. Chúng ta có thể thấy biểu đồ phía dưới thể hiện những thay đổi về khối lượng giao dịch một cách rõ ràng hơn.

Các dạng đồ thị khác

Giá chứng khoán cũng có thể được minh họa bằng các dạng đồ thị khác như Candlestick, Equivolume, Kagi hay Point and Figure,... Các dạng này sẽ được giải thích ở Phần 2 (xem từ trang 45).

HÌNH 6



KHUNG THỜI GIAN

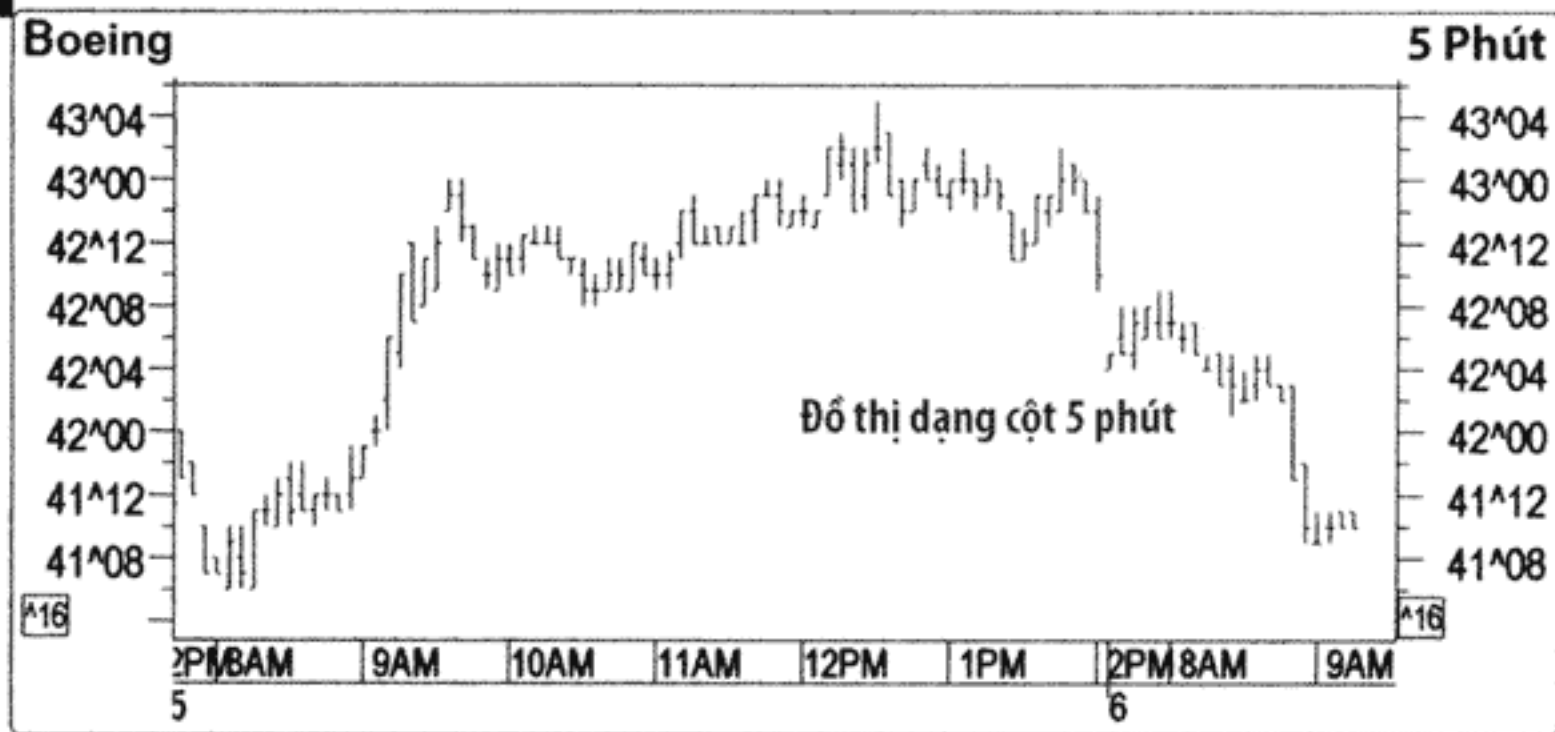
Bất kể khung thời gian của dữ liệu trong các đồ thị là như thế nào (ví dụ hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng,...) thì các nguyên tắc cơ bản của phân tích kỹ thuật vẫn không bị ảnh hưởng. Hãy xem xét các đồ thị của cổ phiếu Boeing ở Hình 7, 8 và 9, cho dù khung thời gian dao động từ mỗi 5 phút đến hàng tuần thì biến động giá về cơ bản rất giống nhau.

“Trong khi dừng lại và suy nghĩ, chúng ta thường bỏ lỡ cơ hội”.

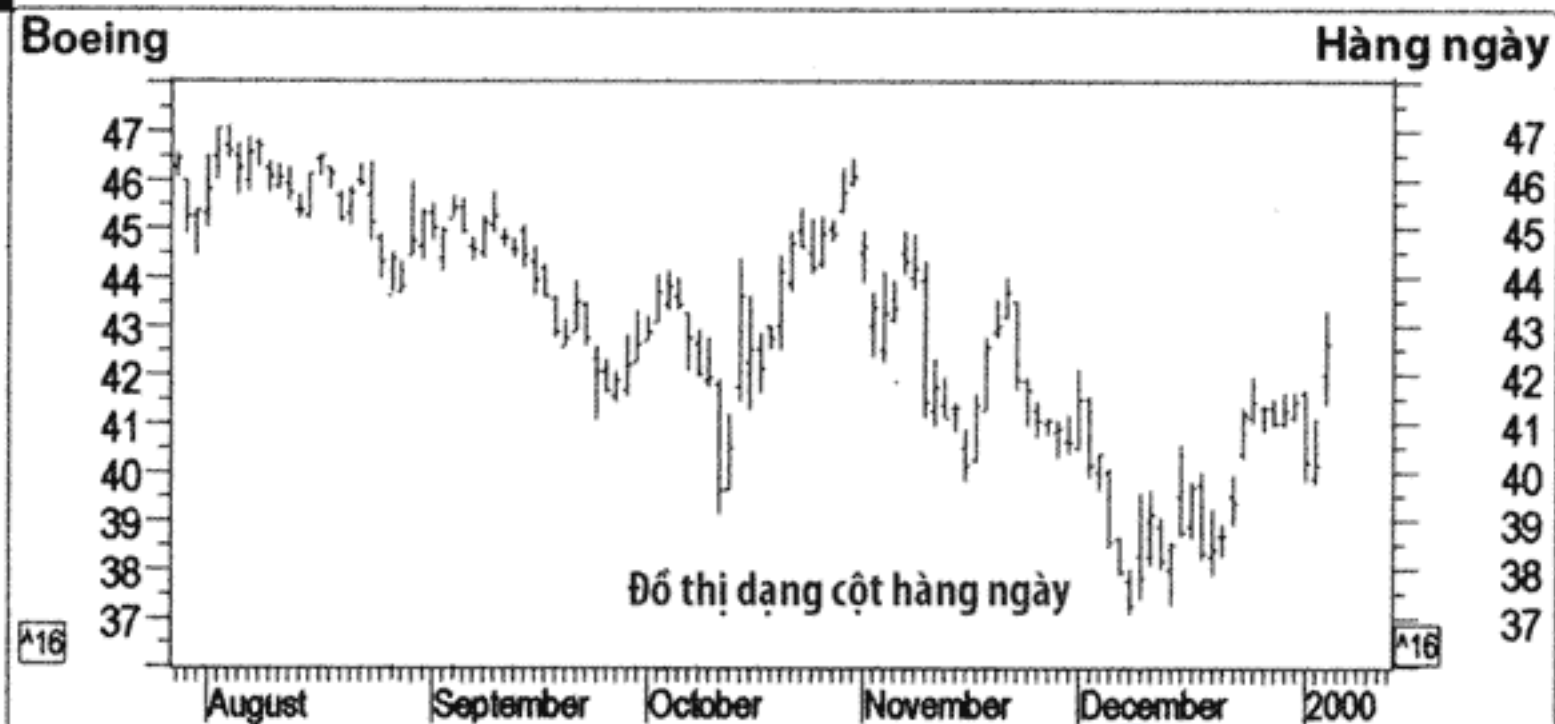
—Publius Syrus, Thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên

Thông thường, khung thời gian càng ngắn thì chúng ta càng khó dự đoán biến động giá và khó tìm kiếm lợi nhuận. Những khó khăn xuất phát từ các khung thời gian ngắn hơn chính là việc chúng ta có ít thời gian hơn để đưa ra quyết định.

HÌNH 7



HÌNH 8



HÌNH 9



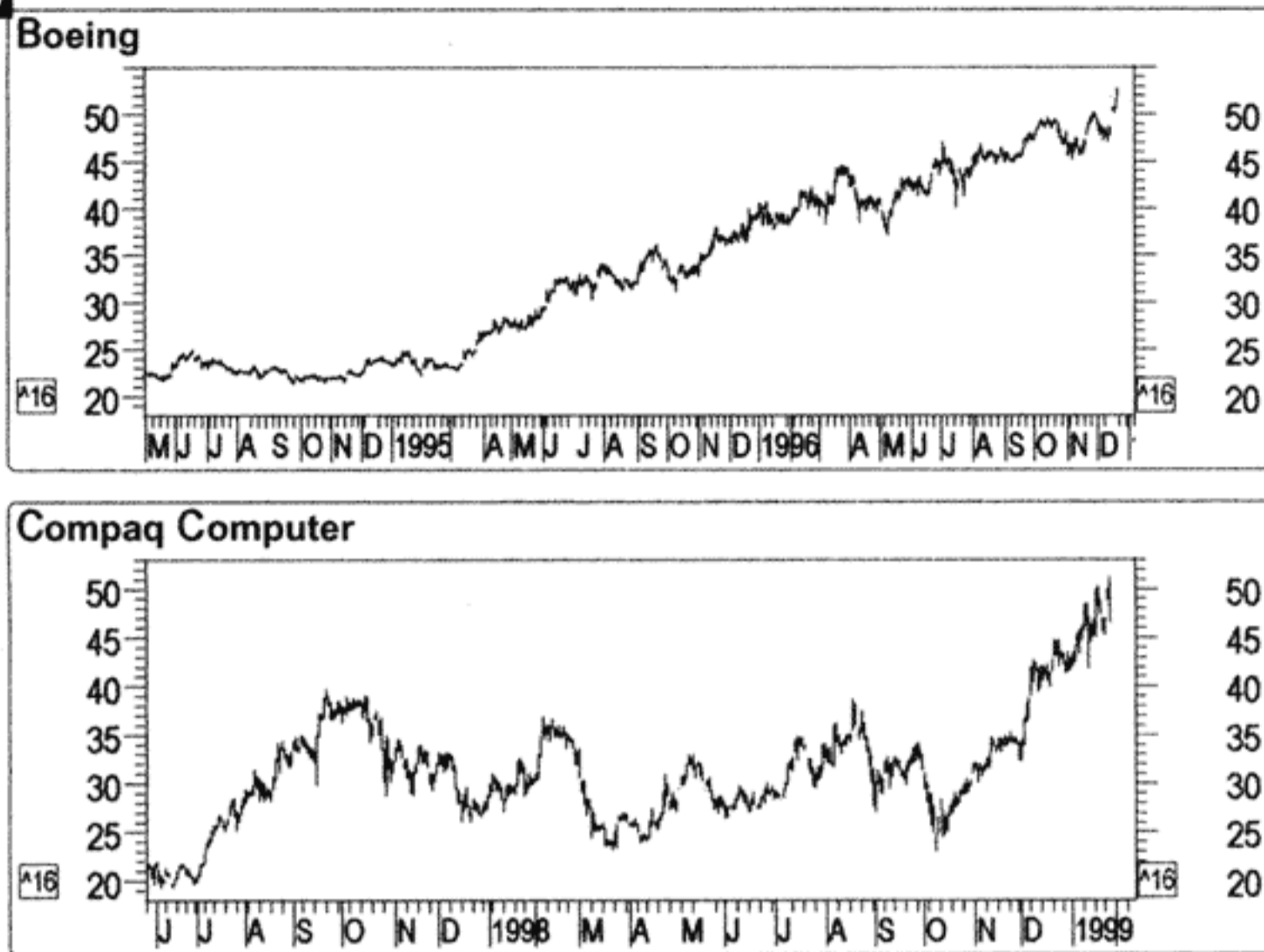
Cơ hội luôn xuất hiện trong bất kỳ khung thời gian nào nhưng tôi hiếm khi gặp một nhà đầu cơ ngắn hạn thành công mà trước đó không phải là một nhà đầu tư dài hạn thành công. Tôi cũng từng biết nhiều nhà đầu tư có quan niệm rằng bí quyết kiếm tiền là sử dụng khung thời gian càng ngắn càng tốt. Nhưng thực tế không phải vậy.

Khi chúng ta rút ngắn khung thời gian, chất lượng và độ cập nhật của dữ liệu càng trở nên quan trọng. Ví dụ, nếu dữ liệu hàng ngày có trễ một giờ thì không sao, nhưng một sự biến động nhỏ của giá theo thời gian thực (realtime hoặc tick) mà trễ 5 phút lại là cả một vấn đề. Đáng tiếc, nhiều bảng giá “trực tuyến” (tức là những bảng giá được cập nhật ngay lập tức) trên Internet lại không realtime. Sự chậm trễ này phần lớn không phải do Internet mà chủ yếu là do những nhà cung cấp dữ liệu. Họ dường như không hiểu được tầm quan trọng của việc cung cấp dữ liệu kịp thời.

Cách tính và cách sử dụng các chỉ báo trong cuốn sách này thường đề cập đến dữ liệu theo ngày. Chẳng hạn, tôi có thể nói “Nếu giá đóng cửa cao hơn so với giá đóng cửa của ngày hôm trước”. Tuy nhiên, chúng ta có thể thay thế bất kỳ khung thời gian nào cho từ “ngày”. Ví dụ, khi quan sát một biểu đồ theo giờ, thì câu trên sẽ được viết lại như sau: “Nếu giá đóng cửa cao hơn giá đóng cửa của giờ trước”.

YẾU TỐ THỜI GIAN

Trang 6 có phần giải thích về các thông số giá, cụ thể như giá mở cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất và giá đóng cửa. Phần này chỉ trình bày về yếu tố thời gian bởi phân tích kỹ thuật chủ yếu tập trung vào sự thay đổi của giá theo thời gian.

HÌNH 10

Hình 10 biểu thị đường giá của cổ phiếu Boeing và Compaq. Trong 20 tháng qua, cả hai cổ phiếu này đều tăng từ 20 USD/cp lên hơn 50 USD/cp. Nguyên nhân đẩy giá cổ phiếu Boeing liên tục gia tăng trong 20 tháng qua là nhờ kỳ vọng của nhà đầu về cổ phiếu Boeing ngày càng cao, trong khi giá cổ phiếu Compaq ít biến động trong 16 tháng đầu, sau đó tăng mạnh vào 4 tháng cuối.

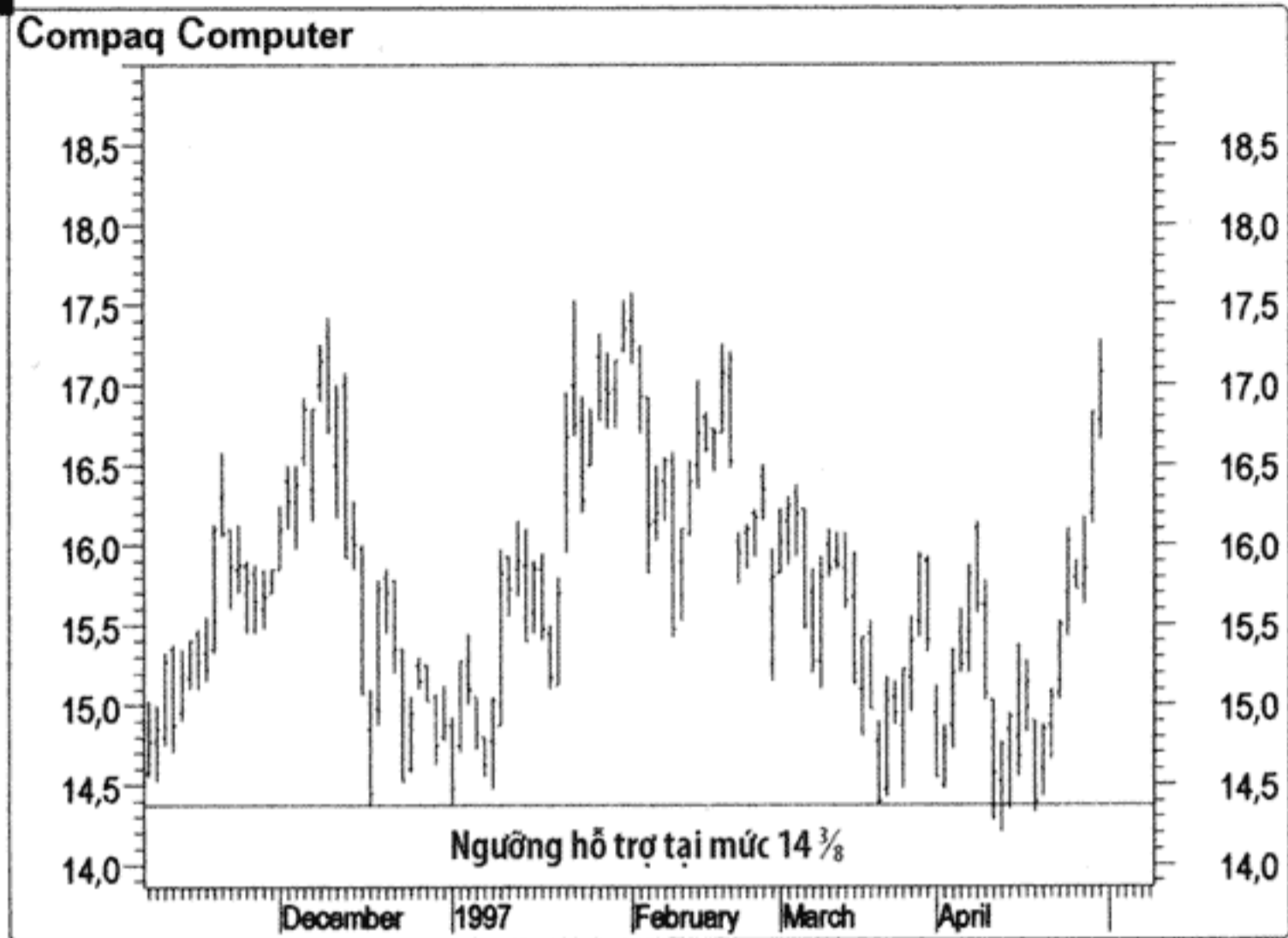
Điểm thú vị của đồ thị point-and-figure (xem trang 253) đó là việc bỏ qua yếu tố thời gian và chỉ tập trung thể hiện sự thay đổi của giá.

HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ

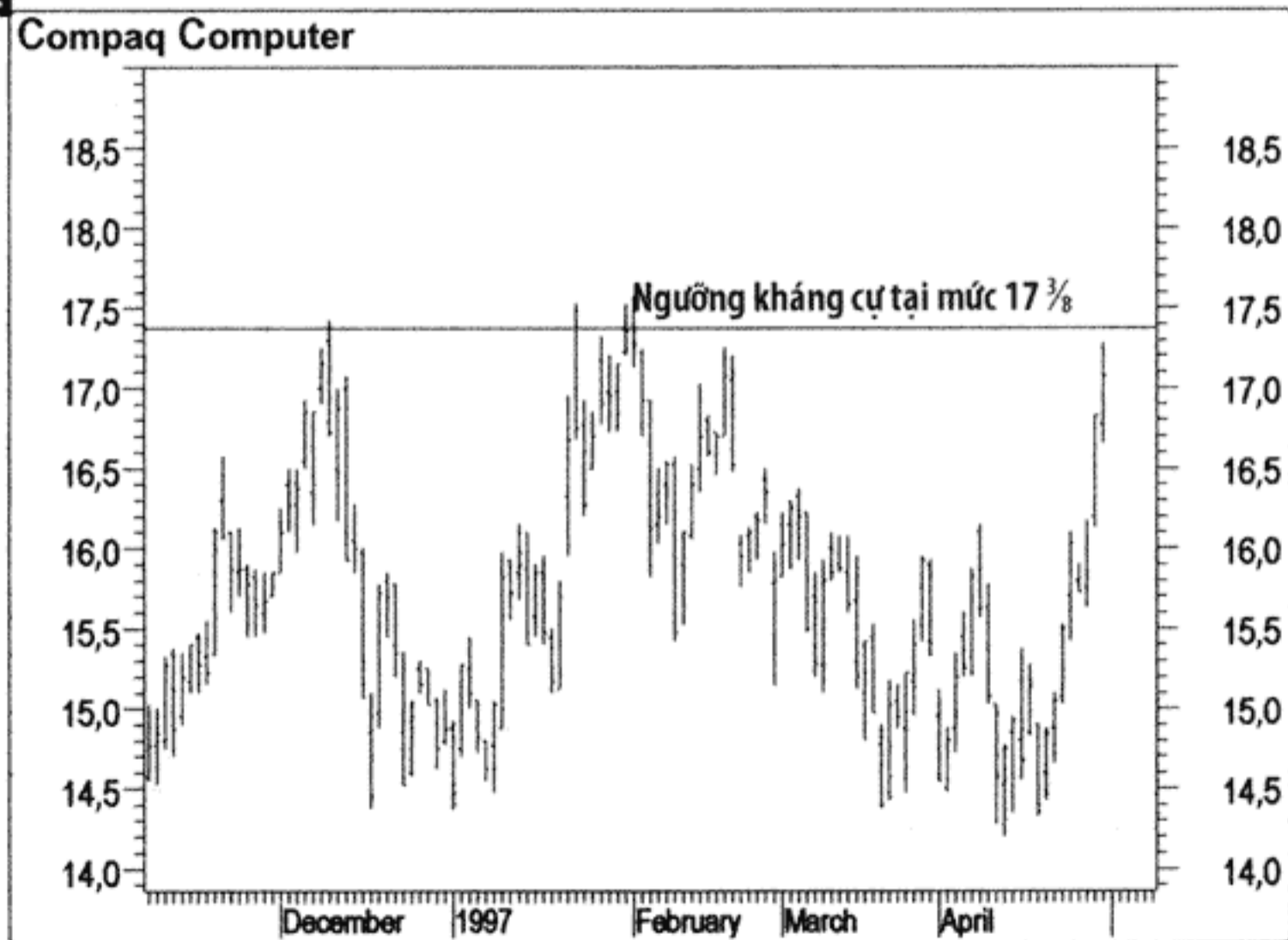
Giá chứng khoán là kết quả của quá trình thuận mua vừa bán giữa người kỳ vọng thị trường tăng (bên mua) và người kỳ vọng thị trường giảm (bên bán). Bên mua đẩy giá lên cao hơn, còn bên bán kéo giá xuống thấp hơn. Vì vậy, xu hướng giá có thể cho biết bên nào đang chiếm ưu thế.

Quan sát biểu đồ giá của cổ phiếu Compaq ở Hình 11 chúng ta thấy, trong khoảng thời gian này, bên mua kiểm soát và hỗ trợ để giá không rớt xuống dưới mức $14\frac{3}{8}$ USD. Điều đó có nghĩa rằng tại mức giá $14\frac{3}{8}$ USD, bên mua cảm thấy việc đầu tư vào cổ phiếu Compaq là đúng đắn (còn bên bán không sẵn sàng bán với giá thấp hơn $14\frac{3}{8}$ USD). Diễn biến giá như vậy đã hình thành ngưỡng hỗ trợ, vì bên mua đang hỗ trợ giá.

HÌNH 11



HÌNH 12

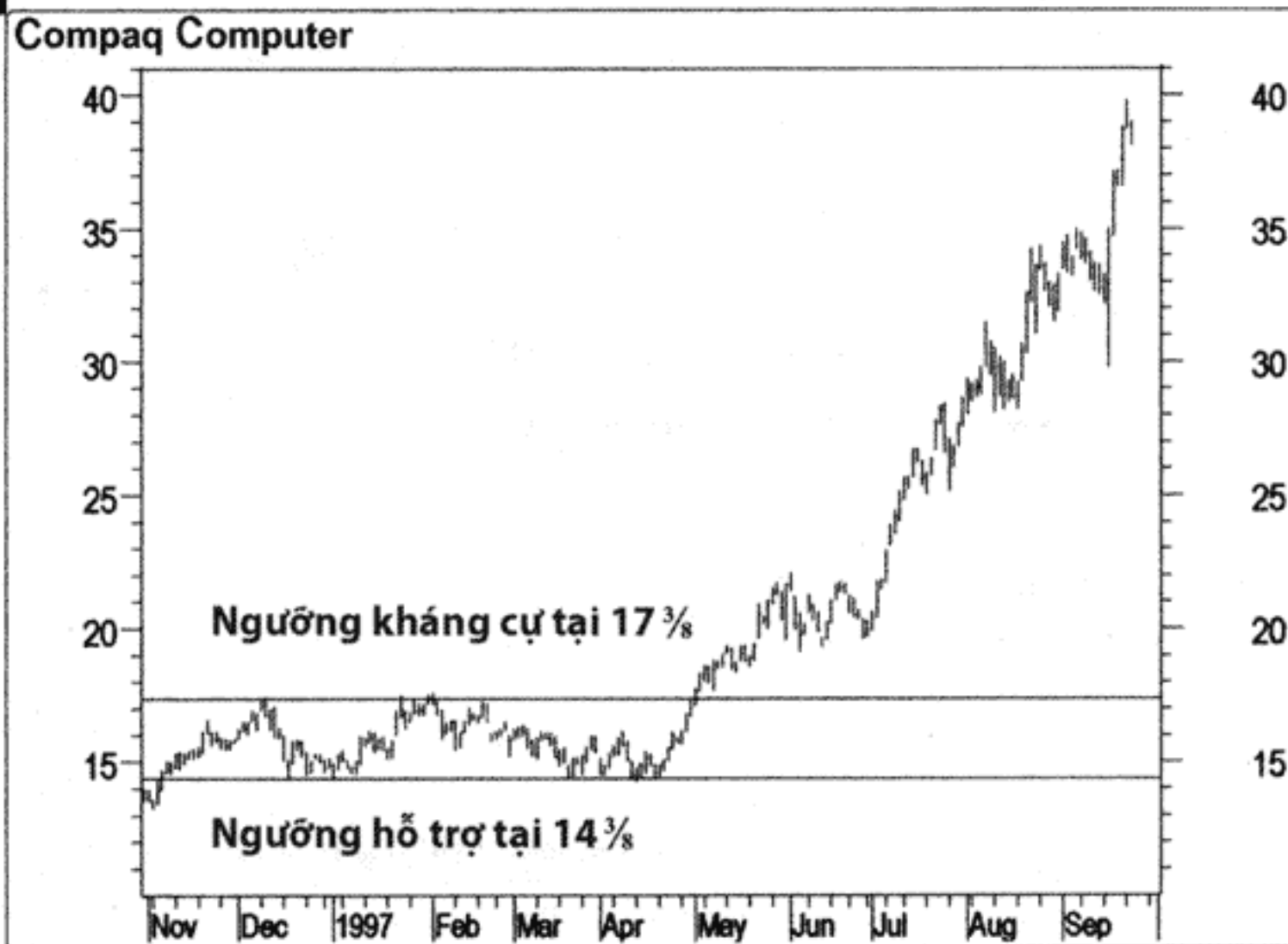


Tương tự như ngưỡng hỗ trợ, ngưỡng kháng cự là mức giá mà bên bán tăng cường bán, khiến giá không thể tăng cao hơn. Xem Hình 12, mỗi khi giá cổ phiếu tiến gần đến mức $17 \frac{3}{8}$ USD thì số lượng người bán nhiều hơn người mua và điều này hạn chế đà tăng của giá.

Giá giao dịch là mức giá đồng thuận giữa bên mua và bên bán. Bên mua kỳ vọng giá sẽ còn tăng, trong khi bên bán kỳ vọng giá sẽ giảm.

Ngưỡng hỗ trợ là mức giá mà hầu hết các nhà đầu tư tin rằng giá sẽ tăng cao hơn, còn ngưỡng kháng cự là mức giá mà hầu hết các nhà đầu tư tin rằng giá sẽ quay đầu giảm.

Tuy nhiên, kỳ vọng của nhà đầu tư lại thay đổi theo thời gian! Mặc dù nhà đầu tư không kỳ vọng giá cổ phiếu Compaq sẽ vượt mức $17\frac{3}{8}$ USD (Hình 12) nhưng chỉ 5 tháng sau, họ lại sẵn sàng mua cổ phiếu Compaq với giá 40 USD (Hình 13).

HÌNH 13

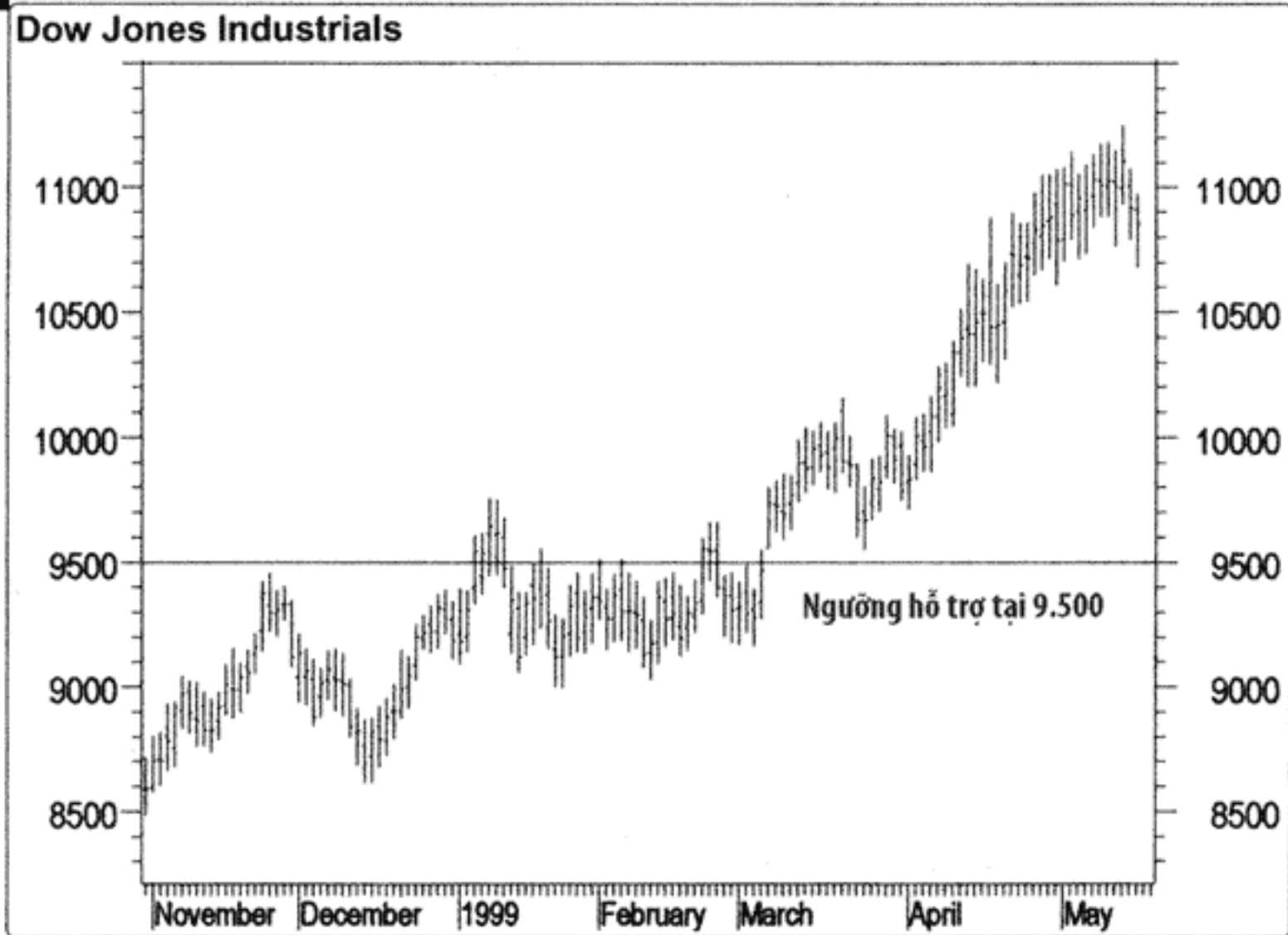
Khi kỳ vọng của nhà đầu tư thay đổi, họ thường hành động một cách quyết đoán. Quan sát Hình 14, chúng ta thấy khi giá cổ phiếu Harley-Davidson vượt ngưỡng kháng cự thì nhà đầu tư có hành động rất dứt khoát. Lưu ý thêm, khi giá cổ phiếu bứt phá lên trên ngưỡng kháng cự thì khối lượng giao dịch gia tăng đáng kể.

Một khi nhà đầu tư chấp nhận giao dịch cổ phiếu Harley-Davidson trên mức 14 USD thì càng có nhiều nhà đầu tư sẵn sàng mua vào cổ phiếu này với mức cao hơn (từ đó khiến giá và khối lượng cùng tăng). Tương tự, những người từng bán ra quanh mức 14 USD cũng bắt đầu kỳ vọng giá tiếp tục tăng và không còn muốn bán ra.

Sự hình thành của các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự có lẽ là điểm đáng chú ý nhất và xuất hiện thường xuyên nhất trên đồ thị giá. Các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự có thể bị phá vỡ do sự thay đổi của các yếu tố cơ bản so với kỳ vọng của nhà đầu tư (chẳng hạn như sự thay đổi về lợi nhuận, bộ máy quản lý, môi trường cạnh tranh,...) hoặc do chính nhà đầu tư thay đổi kỳ vọng (nhà đầu tư mua khi thấy giá tăng). Nguyên nhân không quan trọng bằng kết quả: kỳ vọng mới dẫn đến mức giá mới.

HÌNH 14**HÌNH 15**

Hình 15 cho thấy giá bứt phá nhờ các yếu tố cơ bản. Sự bứt phá này xảy ra khi Wilson's Leather công bố lợi nhuận cao hơn dự báo. Sự thay đổi của giá cổ phiếu sau khi có thông tin về lợi nhuận cho chúng ta biết lợi nhuận đã cao hơn kỳ vọng.

HÌNH 16

Các đợt bứt phá khác lại thiên về cảm tính hơn. Chẳng hạn, rất khó thay đổi kỳ vọng của nhà đầu tư trong suốt quá trình chỉ số DJIA tiến sát ngưỡng 9.500 điểm (Hình 16).

Cung - Cầu

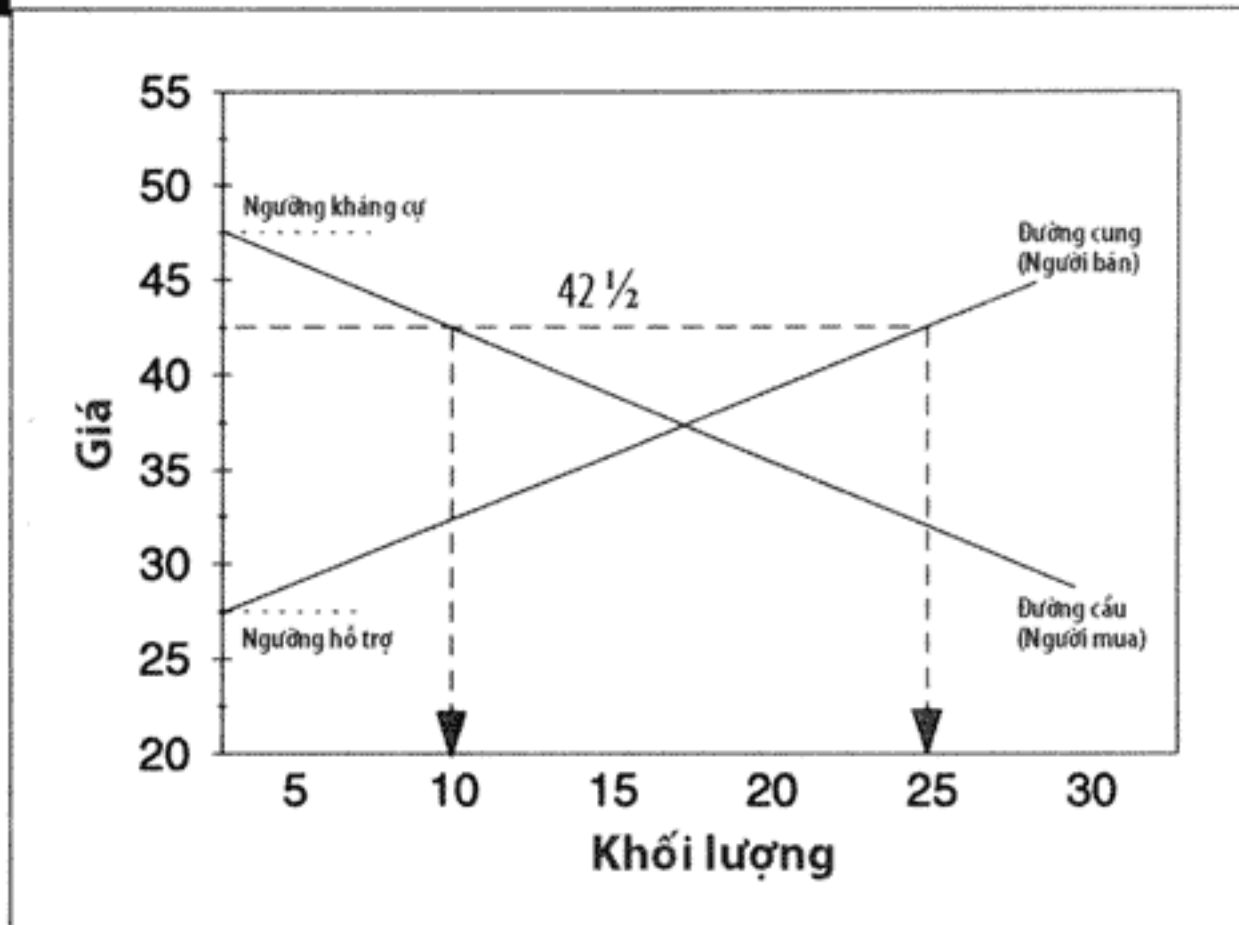
Ngưỡng hỗ trợ/kháng cự thực chất không quá phức tạp. Bản chất của ngưỡng hỗ trợ/kháng cự là một dạng đường cung cầu cơ bản. Trong Kinh tế học, đường cung/cầu thể hiện quan hệ cung cầu ở một mức giá nhất định.

Trong Hình 17, đường cung thể hiện số lượng mà bên bán sẵn sàng bán ra tại một mức giá nhất định (chẳng hạn như số lượng cổ phiếu). Đường cung luôn hướng lên vì khi giá tăng, số lượng người bán cũng tăng (nghĩa là có thêm nhiều người sẵn sàng bán ra khi giá cao hơn).

Đường cầu thể hiện số lượng chứng khoán mà bên mua sẵn sàng mua tại một mức giá nhất định. Đường cầu luôn hướng xuống vì khi giá giảm, số lượng người mua sẽ tăng.

Tất nhiên, bên mua và bên bán không thể chọn mức giá bất kỳ để mua và bán. Họ phải chọn một mức giá mà bên mua sẵn sàng mua và bên bán sẵn sàng bán. Từ đó tạo ra điểm cân bằng, xuất hiện khi đường cung và đường cầu cắt nhau (trong Hình 17 là xấp xỉ 37½ USD).

Tại một mức giá bất kỳ, đồ thị cung/cầu cho thấy số lượng người mua và người bán. Ví dụ, Hình 17 cho thấy tại mức giá 42½ USD sẽ có 10 người mua và 25 người bán.

HÌNH 17

Ngưỡng hỗ trợ xuất hiện tại mức giá mà đường cung chạm vào trục tung (cột giá trong Hình 17 là mức giá $27\frac{1}{2}$ USD). Giá không giảm xuống thấp hơn mức này vì không có người bán sẵn sàng bán ra với mức giá thấp hơn $27\frac{1}{2}$ USD. Ngưỡng kháng cự xuất hiện tại mức giá mà đường cầu chạm vào trục tung (cột giá trong Hình 17 là $47\frac{1}{2}$ USD). Giá không tăng cao hơn mức này vì không có người mua sẵn sàng mua vào với mức giá cao hơn $47\frac{1}{2}$ USD.

Trong một thị trường tự do, đường cung/cầu liên tục thay đổi. Khi kỳ vọng nhà đầu tư thay đổi, mức giá mà bên mua và bên bán chấp nhận cũng thay đổi theo. Giá bứt phá (breakout) lên trên ngưỡng kháng cự là bằng chứng đường cầu sẽ dịch chuyển lên vì có nhiều người sẵn sàng mua với giá cao hơn. Tương tự, giá phá vỡ (breakout) xuống dưới ngưỡng hỗ trợ cho thấy đường cung sẽ dịch chuyển xuống.

Nền tảng của phần lớn các công cụ phân tích kỹ thuật cũng như việc định giá hầu hết các loại hàng hóa và dịch vụ đều bắt nguồn từ quan hệ cung cầu. Biểu đồ giá chứng khoán cho chúng ta một cái nhìn toàn diện về cung/cầu trong thực tế.

Giai đoạn phân vân của nhà đầu tư

Sau khi giá phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự, nhà đầu tư thường phân vân về mức giá mới. Ví dụ, sau khi giá phá vỡ ngưỡng kháng cự, bên mua và bên bán hoài nghi về sự bền vững của mức giá mới cao hơn và có thể quyết định bán ra. Điều này tạo nên một hiện tượng mà tôi gọi là giai đoạn phân vân của nhà đầu tư - khi giá tạm thời quay về ngưỡng hỗ trợ/kháng cự sau khi đã phá vỡ các ngưỡng này.

Chúng ta hãy quan sát biến động của giá cổ phiếu Questar trong Hình 18 và lưu ý đến sự bứt phá sau hai lần điều chỉnh khi giá trở lại ngưỡng kháng cự.

HÌNH 18

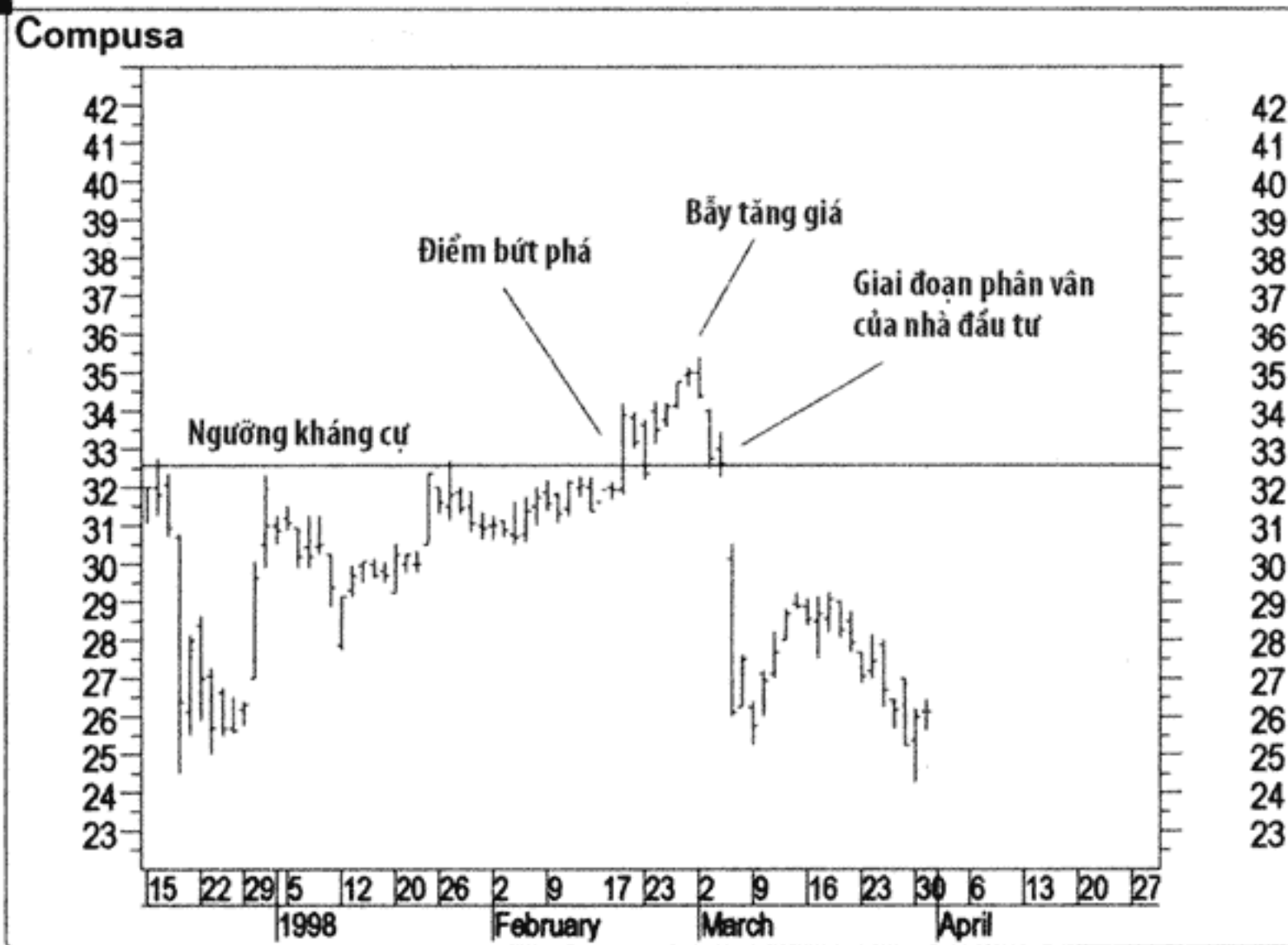
Diễn biến giá chứng khoán sau giai đoạn phân vân của nhà đầu tư rất quan trọng. Một trong hai khả năng có thể xảy ra: nhà đầu tư cho rằng mức giá mới không bền vững và giá sẽ trở lại mức trước đó, hoặc họ chấp nhận mức giá mới và giá sẽ tiếp tục dịch chuyển theo hướng phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự.

Sau giai đoạn phân vân, nếu đa số nhà đầu tư đều cho rằng mức giá mới không bền vững thì sẽ xuất hiện một bẫy tăng giá (bull trap/false breakout). Hình 19 cho thấy giá chứng khoán phá vỡ ngưỡng kháng cự ở gần mức 33 USD (và thu hút thêm nhiều nhà đầu tư kỳ vọng giá sẽ tăng), nhưng sau đó giá lại rớt xuống dưới ngưỡng kháng cự làm cho những người này phải nắm giữ cổ phiếu ở mức giá quá cao.

Tâm lý tương tự cũng có thể tạo ra một bẫy giảm giá (bear trap). Hình 20 cho thấy cổ phiếu AlliedSignal nhiều lần kiểm chứng ngưỡng hỗ trợ gần mức 16½ USD. Ngưỡng hỗ trợ này không thành công vì giá đã rớt xuống thấp hơn, nhưng cũng đủ làm cho những người kỳ vọng giá giảm bán (hoặc bán không) cổ phiếu. Sau đó, giá cổ phiếu tăng trở lại ngưỡng hỗ trợ, nhưng thay vì quay đầu giảm thì giá lại tiếp tục tăng cao, khiến những người theo trường phái giá xuống phải thất vọng.

Một xu hướng khác có thể xảy ra sau giai đoạn phân vân là kỳ vọng của nhà đầu tư có thể thay đổi và chấp nhận mức giá mới. Trong trường hợp này, giá sẽ tiếp tục dịch chuyển theo hướng phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự (tức là giá tiếp tục tăng sau khi ngưỡng kháng cự bị phá vỡ hoặc giảm tiếp nếu ngưỡng hỗ trợ bị xuyên thủng). Hình 21 cho thấy sau hai giai đoạn bên mua và bên bán phân vân về mức giá mới, kỳ vọng của họ đã thay đổi hẳn khi giá bứt phá mạnh lên trên ngưỡng kháng cự 35 USD.

HÌNH 19



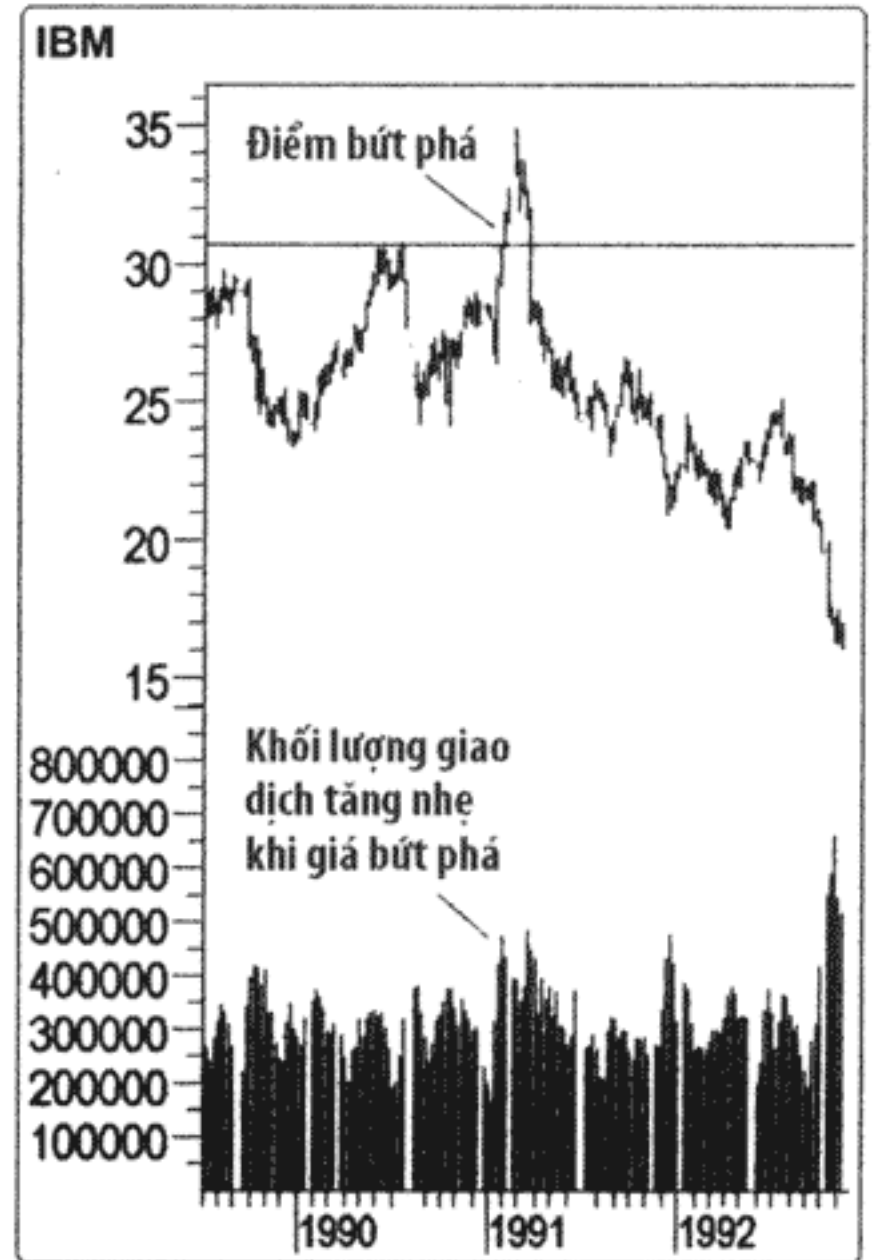
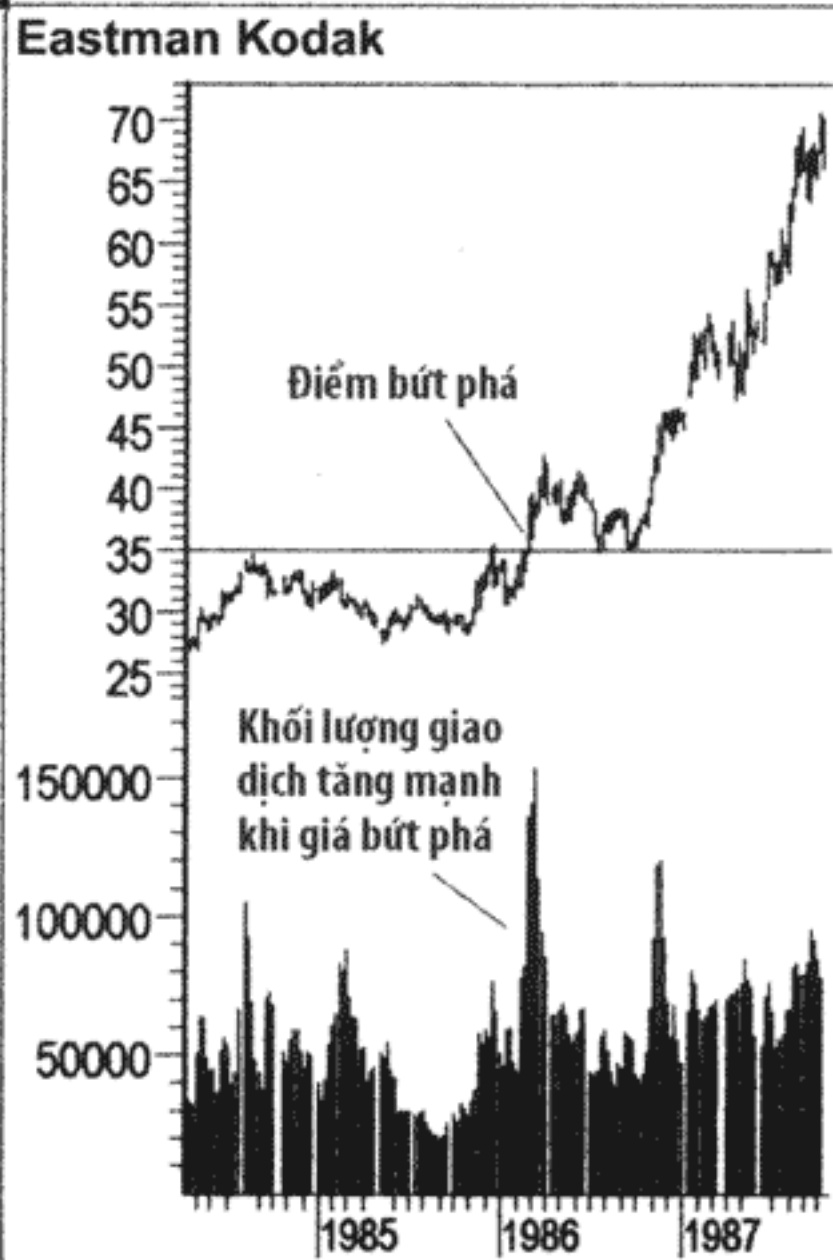
HÌNH 20



HÌNH 21



HÌNH 22



Một cách hiệu quả để xác định mức độ kỳ vọng sau giai đoạn bứt phá là phân tích khối lượng giao dịch trong giai đoạn đó. Nếu giá phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự với khối lượng tăng mạnh thì mức kỳ vọng mới sẽ được thiết lập. Điều này đặc biệt đúng nếu khối lượng giảm trong suốt giai đoạn phân vân của nhà đầu tư (tức là chỉ một số ít nhà đầu tư phân vân về mức giá mới).

Ngược lại, giai đoạn bứt phá đi kèm với khối lượng vừa phải cho thấy có rất ít nhà đầu tư thay đổi kỳ vọng và việc giá trở lại mức kỳ vọng ban đầu (tức là mức giá ban đầu) hoàn toàn có khả năng xảy ra.

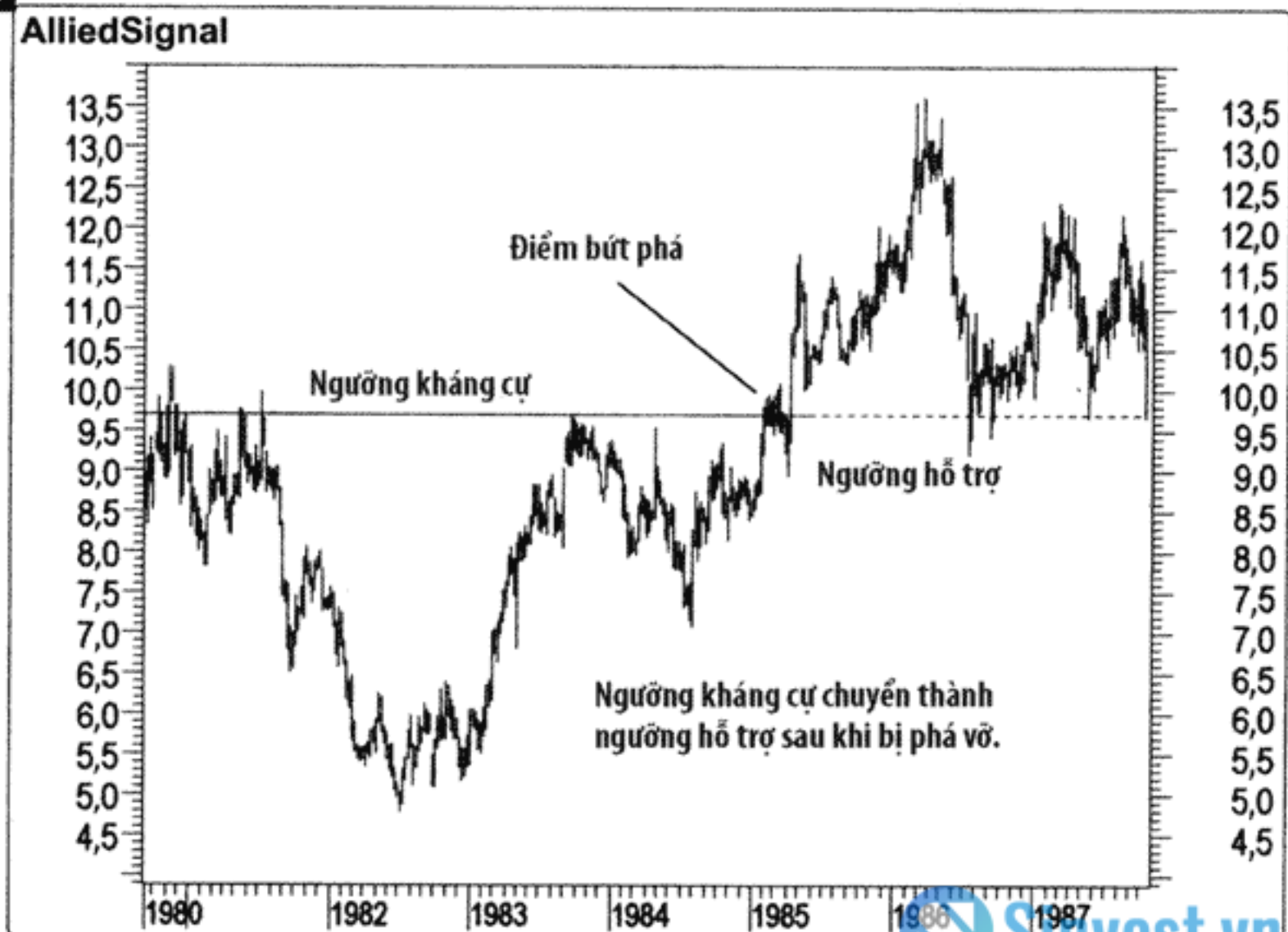
Hình 22 minh họa quá trình phá vỡ các ngưỡng kháng cự của hai cổ phiếu Eastman Kodak và IBM. Trong quá trình giá cổ phiếu Eastman Kodak vượt qua ngưỡng kháng cự, khối lượng giao dịch của cổ phiếu này tăng lên đáng kể. Trong suốt giai đoạn phân vân sau đó, khối lượng giao dịch của cổ phiếu này giảm. Cả hai dấu hiệu này cho thấy sự bứt phá là chắc chắn và giá cổ phiếu sẽ tăng. Ngược lại, khối lượng giao dịch của cổ phiếu IBM chỉ ở mức trung bình khi giá phá vỡ ngưỡng kháng cự. Điều này cho thấy kỳ vọng không thay đổi và mức giá mới sẽ không tồn tại được lâu.

Ngưỡng kháng cự trở thành Ngưỡng hỗ trợ

Ngưỡng kháng cự khi bị phá vỡ sẽ trở thành ngưỡng hỗ trợ mới. Tương tự, ngưỡng hỗ trợ khi bị xuyên thủng sẽ trở thành ngưỡng kháng cự mới. Đây là một khái niệm quan trọng.

Hình 23 minh họa sự thay đổi từ ngưỡng kháng cự thành ngưỡng hỗ trợ. Sau khi giá phá vỡ ngưỡng kháng cự ở mức gần 10 USD thì mức này trở thành ngưỡng hỗ trợ mới.

HÌNH 23

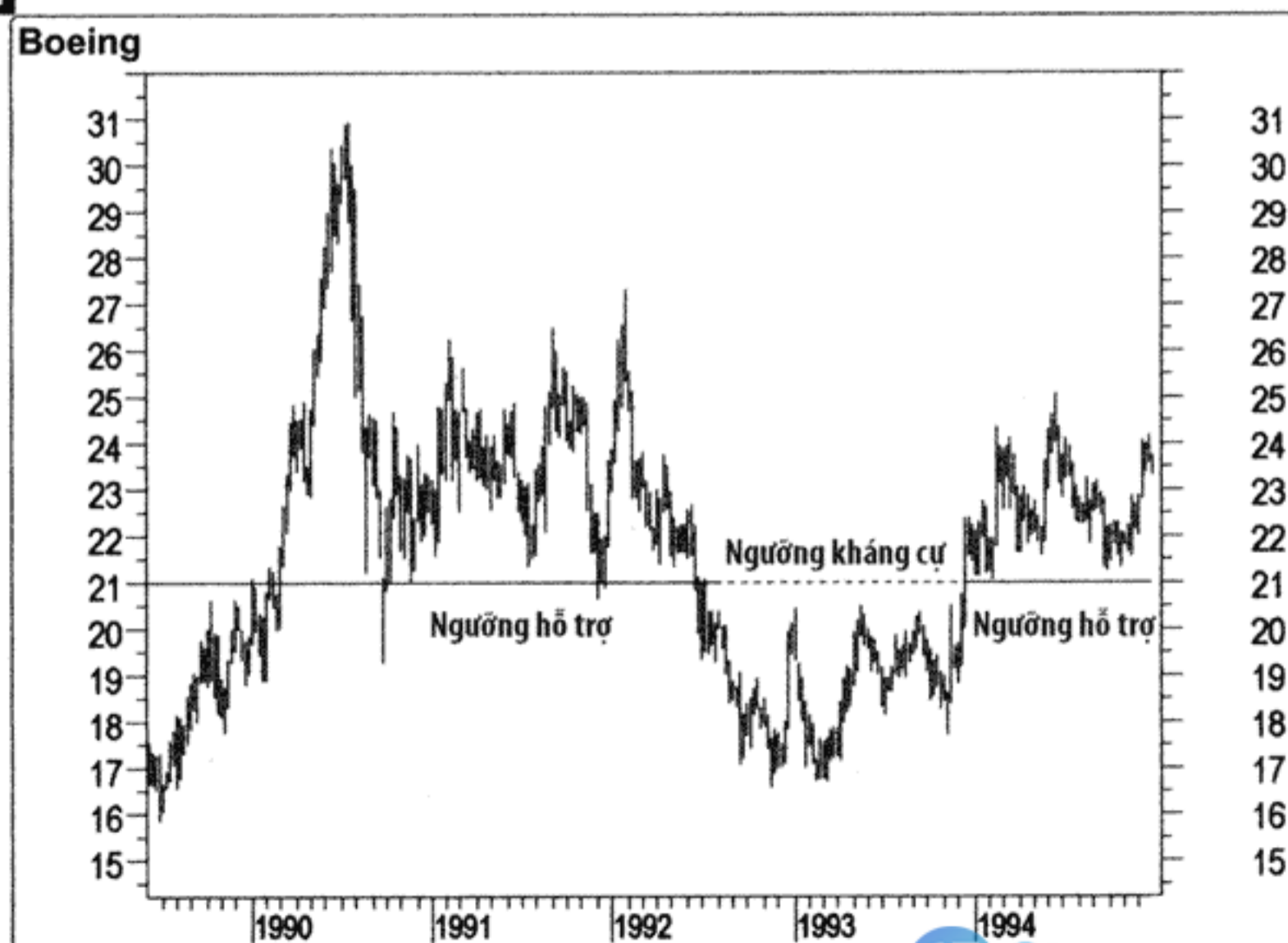


Điều này xảy ra do lớp nhà đầu tư mới kỳ vọng thị trường tăng đang nóng lòng chờ cơ hội mua vào ngay khi giá cổ phiếu chạm 10 USD vì họ đã không mua vào khi giá thấp hơn 10 USD (lúc đó những nhà đầu tư này dự báo tình hình sẽ không mấy khả quan).

Chúng ta có thể thấy ngưỡng hỗ trợ/kháng cự trong Hình 23 không hẳn là một mức giá cụ thể, vì thỉnh thoảng giá cũng vượt đường hỗ trợ/kháng cự. Trên thực tế, “ngưỡng này” chính là vùng giá dao động trong khoảng từ 9½ - 10 USD. Đây là trường hợp điển hình. Mục đích của ngưỡng hỗ trợ/kháng cự không phải để đưa ra một mức giá cụ thể mà nhằm củng cố quan điểm: kể từ điểm phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự (Hình 23), giá cổ phiếu sẽ biến động rất mạnh vì kỳ vọng đã thay đổi đáng kể.

Tương tự, khi giá giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ, ngưỡng hỗ trợ thường trở thành ngưỡng kháng cự và rất khó bị phá vỡ. Khi giá tiếp cận ngưỡng hỗ trợ trước đó (nay đã trở thành ngưỡng kháng cự), nhà đầu tư thường cố gắng hạn chế tổn thất bằng việc bán ra. Hình 24 cho thấy mức 21 USD của cổ phiếu Boeing đã chuyển từ ngưỡng hỗ trợ sang ngưỡng kháng cự và ngược lại như thế nào:

Hiện tượng ngưỡng kháng cự trở thành ngưỡng hỗ trợ (và ngược lại) là rất phổ biến. Thật vậy, điều đầu tiên mà tôi tìm kiếm trên đồ thị là các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự trong quá khứ. Điều này cũng giống như các chuyên gia dự báo thời tiết (xem trang 3) thường hỏi “Thời tiết gần đây thế nào?”. Trước khi có ý định mua hoặc bán, tôi cần phải nắm bắt tình hình chung, chẳng hạn tôi cần phải biết liệu tôi đang ở Texas trong mùa hè hay Montana trong mùa đông.

HÌNH 24

TÓM TẮT

Tôi vừa trình bày về biến động giá, kỳ vọng của nhà đầu tư và ngưỡng hỗ trợ/kháng cự khá cô đọng. Tuy nhiên, tôi chắc chắn rằng đa số nhà đầu tư đều có thể nâng cao kết quả đầu tư nếu chú ý nhiều hơn đến những nguyên nhân căn bản ảnh hưởng đến giá chứng khoán - đó là kỳ vọng của nhà đầu tư và cung/cầu.

Sau đây là tóm lược các khái niệm hỗ trợ/kháng cự được đề cập trong phần này.

1. Giá chứng khoán thể hiện mức giá đồng thuận giữa bên mua (những người kỳ vọng giá tăng) và bên bán (những người kỳ vọng giá giảm).
2. Giá chứng khoán thay đổi là do thay đổi trong kỳ vọng của nhà đầu tư về mức giá tương lai.
3. Ngưỡng hỗ trợ xuất hiện khi đa số đều cho rằng giá sẽ không xuống thấp hơn.
4. Ngưỡng kháng cự xuất hiện khi đa số đều cho rằng giá sẽ không lên cao hơn.
5. Việc phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự thể hiện sự thay đổi kỳ vọng của nhà đầu tư và sự dịch chuyển của đường cung/cầu.
6. Khối lượng giao dịch rất hữu ích khi xác định mức độ thay đổi thực sự của kỳ vọng.
7. Giai đoạn phân vân xuất hiện sau khi giá phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự và quay lại ngưỡng trước đó.
8. Một khi bị phá vỡ, ngưỡng hỗ trợ thường trở thành ngưỡng kháng cự và ngược lại.

XU HƯỚNG

Trong những trang trước, chúng ta đã tìm hiểu các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự bị phá vỡ như thế nào do sự thay đổi kỳ vọng của nhà đầu tư, từ đó dẫn đến sự dịch chuyển của đường cung/cầu. Sự thay đổi này thường xảy ra đột ngột và “diễn biến theo thông tin”.

Trong phần này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về xu hướng giá. Xu hướng giá thể hiện sự thay đổi đồng hướng liên tục của giá (tức là sự thay đổi kỳ vọng của nhà đầu tư). Xu hướng khác với ngưỡng hỗ trợ/kháng cự ở chỗ, xu hướng thể hiện sự thay đổi, còn ngưỡng hỗ trợ/kháng cự là rào cản đối với sự thay đổi.

Trong Hình 25, xu hướng tăng được hình thành khi các đáy sau cao hơn đáy trước. Chúng ta cũng có thể hiểu rằng xu hướng tăng xuất hiện khi các ngưỡng hỗ trợ dịch chuyển lên mức cao hơn - những người kỳ vọng thị trường tăng (the bulls) đang thắng thế và đẩy giá cổ phiếu lên mức cao hơn.

HÌNH 25

Hình 26 thể hiện xu hướng giảm. Xu hướng giảm được hình thành khi các đỉnh sau thấp hơn đỉnh trước. Chúng ta cũng có thể hiểu rằng xu hướng giảm xuất hiện khi các ngưỡng kháng cự dịch chuyển xuống mức thấp hơn - những người kỳ vọng thị trường giảm (the bears) đang thắng thế và đẩy giá cổ phiếu xuống mức thấp hơn.

HÌNH 26

HÌNH 27

Tương tự khi giá phá vỡ ngưỡng hỗ trợ/kháng cự do kỳ vọng thay đổi, giá cũng có thể phá vỡ đường xu hướng tăng/giảm. Hình 27 cho thấy đường xu hướng giảm của cổ phiếu AT&T bị phá vỡ vì nhà đầu tư kỳ vọng giá sẽ không còn giảm nữa.

Tương tự như những gì thường diễn ra tại các ngưỡng hỗ trợ/kháng cự, giai đoạn phân vân của nhà đầu tư cũng hay xuất hiện sau giai đoạn phá vỡ tạm thời của đường xu hướng. Trong Hình 27, sau khi giá cổ phiếu bứt phá lên trên đường xu hướng giảm thì người kỳ vọng thị trường xuống tạm thời giành lại quyền kiểm soát và đẩy giá giảm trở lại đường xu hướng (giai đoạn phân vân của nhà đầu tư). Sau giai đoạn phân vân, giá cổ phiếu bứt phá mạnh mẽ.

TRUNG BÌNH ĐỘNG

Trung bình động là một trong những công cụ phân tích kỹ thuật xuất hiện sớm nhất và phổ biến nhất. Các trang tiếp theo sẽ trình bày phương thức tính toán cơ bản và cách sử dụng trung bình động. Phần 2 sẽ trình bày đầy đủ chi tiết về trung bình động (xem trang 203).

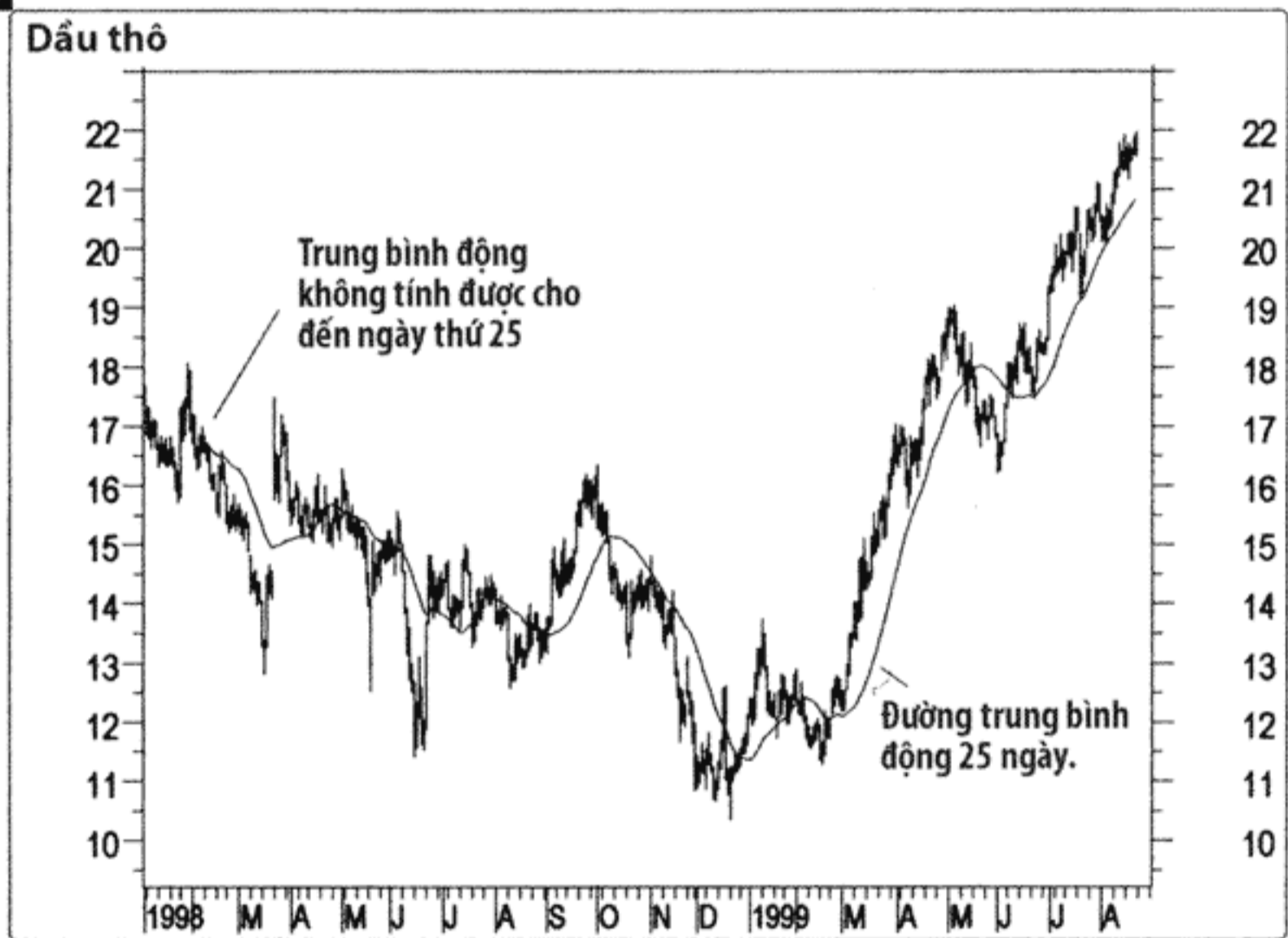
Trung bình động là giá trung bình của chứng khoán trong một khoảng thời gian xác định. Chúng ta cần xác định khoảng thời gian cụ thể khi tính giá trung bình (ví dụ 25 ngày).

Cách xác định trung bình động giản đơn là tính tổng các mức giá của chứng khoán trong một số kỳ giao dịch gần nhất (gọi là "n"), sau đó chia cho "n". Chẳng hạn, để tính trung bình động 25 ngày, ta cộng các mức giá đóng cửa của chứng khoán trong 25 ngày gần nhất, sau đó chia cho 25. Kết quả phép tính là giá trung bình của chứng khoán trong 25 ngày qua. Cách tính này được áp dụng cho mọi khung thời gian trong biểu đồ (chẳng hạn như ngày).

Chúng ta không thể tính trung bình động nếu không có dữ liệu của "n" kỳ. Chẳng hạn, chúng ta không thể tính được trung bình động 25 ngày nếu không có dữ liệu đến ngày thứ 25.

Hình 28 thể hiện trung bình động 25 ngày của giá Dầu thô.

HÌNH 28

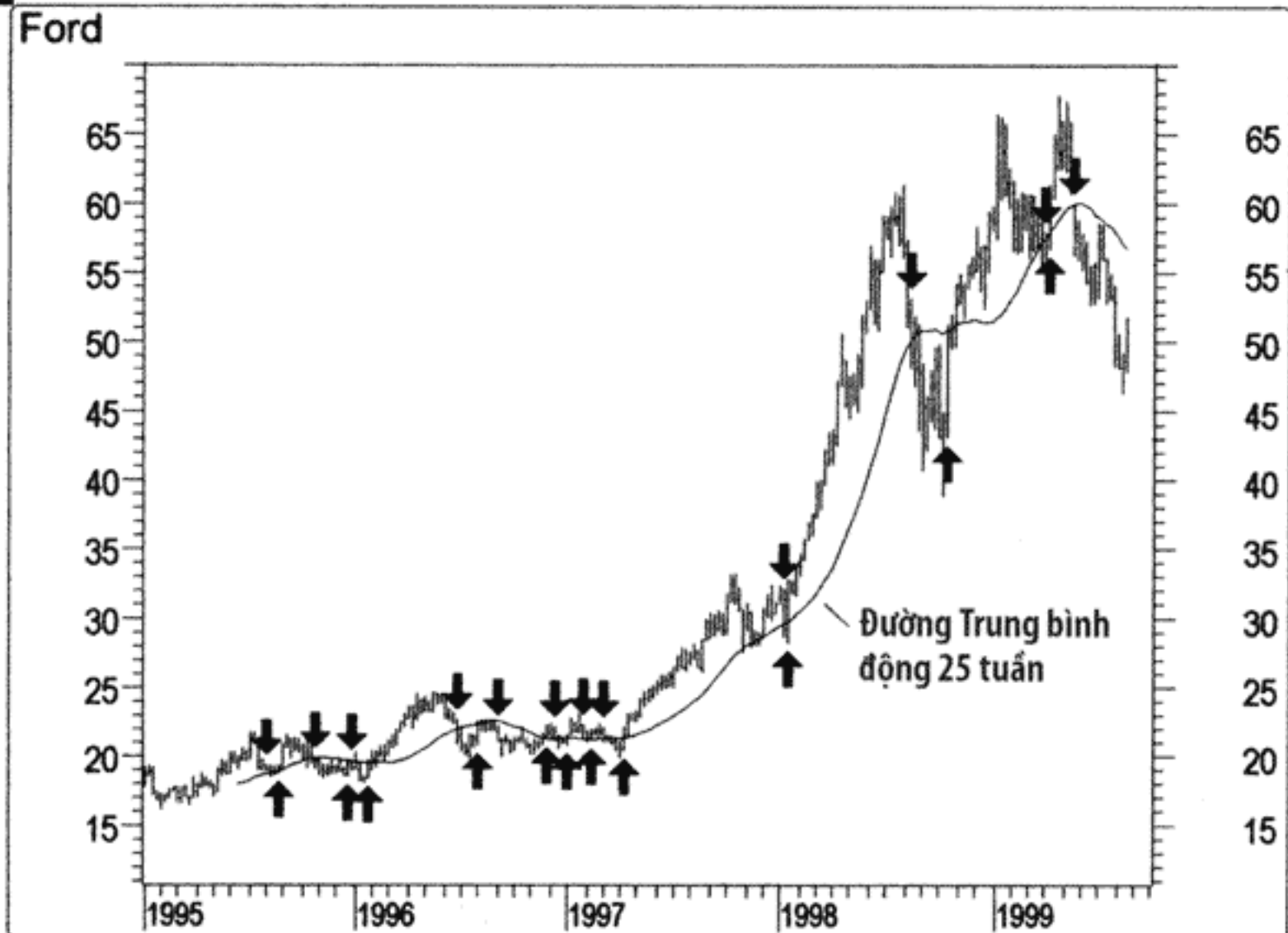


Trung bình động trong biểu đồ này là giá trị trung bình của giá dầu trong 25 ngày, cho thấy sự đồng thuận trong kỳ vọng của nhà đầu tư trong 25 ngày qua. Giá dầu vượt lên trên đường trung bình động có nghĩa là kỳ vọng hiện tại của nhà đầu tư (giá hiện tại) đang cao hơn kỳ vọng trong 25 ngày trước đó và nhà đầu tư ngày càng lạc quan về giá dầu. Ngược lại, giá dầu hôm nay thấp hơn trung bình động có nghĩa là kỳ vọng hiện tại của nhà đầu tư thấp hơn kỳ vọng trong 25 ngày trước đó.

Thông thường, trung bình động thể hiện sự thay đổi về giá nên được sử dụng để theo dõi những thay đổi này. Giá vượt lên trên đường trung bình động cho thấy nhà đầu tư đang lạc quan hơn và đây thường là thời điểm thích hợp để mua vào. Ngược lại, giá giảm xuống dưới đường trung bình động cho thấy nhà đầu tư đang bi quan hơn và đây thường là thời điểm thích hợp để bán ra.

Mũi tên “mua” (hướng lên) trong Hình 29 xuất hiện khi giá cổ phiếu Ford vượt đường trung bình động 25 tuần, còn mũi tên “bán” (hướng xuống) xuất hiện khi giá giảm xuống dưới đường trung bình động 25 tuần.

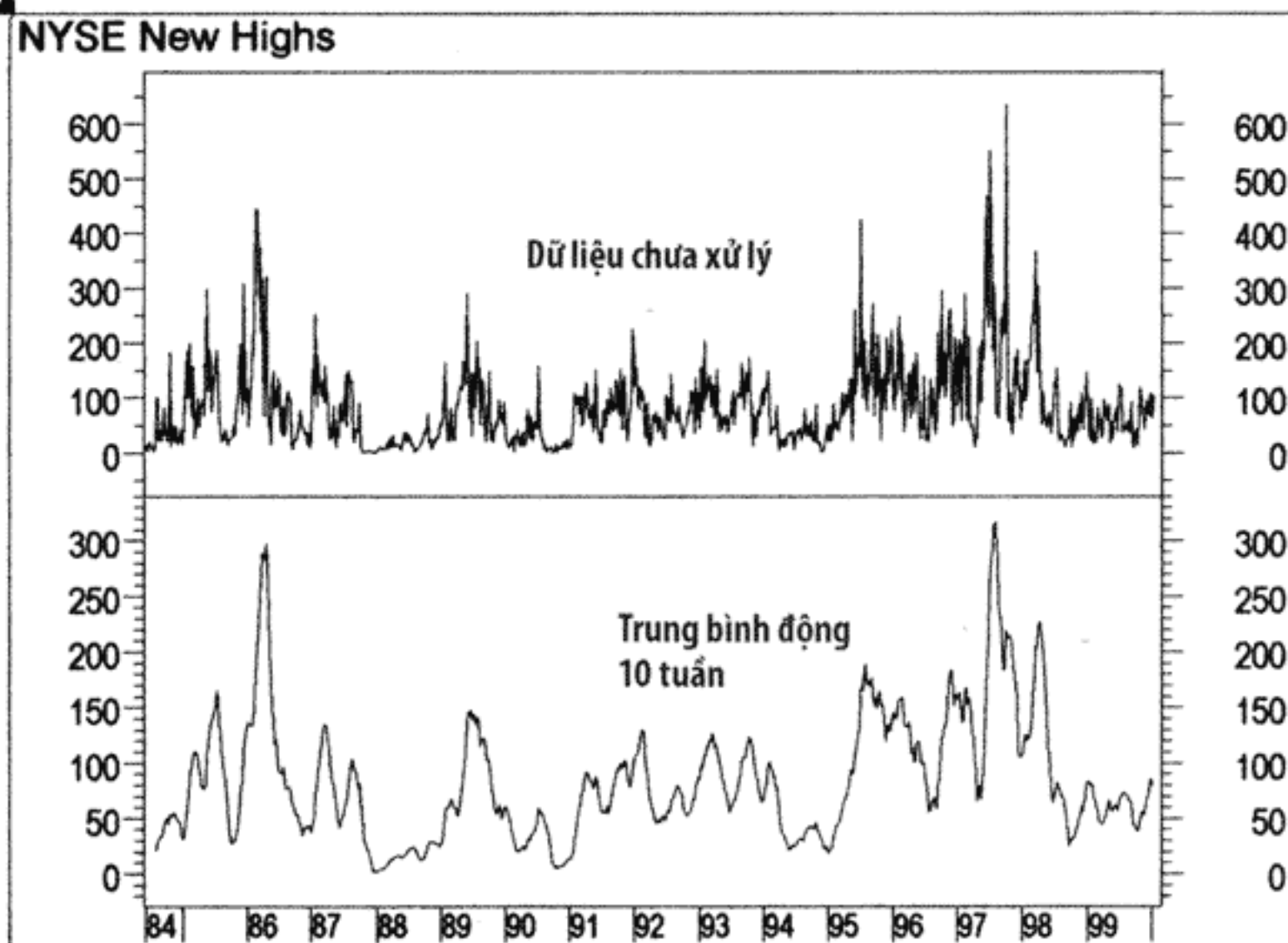
Chúng ta có thể thấy trung bình động rất hiệu quả trong việc giúp nhà đầu tư nắm bắt được sự dịch chuyển khi thị trường có biến động mạnh nhưng khi giá ít biến động, chỉ báo này lại cho tín hiệu “răng cưa”.

HÌNH 29

Chúng ta cũng có thể sử dụng trung bình động để “hiệu chỉnh” những dữ liệu biến động thất thường. Hình 30 cho thấy số lượng cổ phiếu đã xác lập đỉnh mới (đồ thị trên) và trung bình động 10 tuần của giá trị này (đồ thị dưới). Trung bình động giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc theo dõi xu hướng thật của dữ liệu.

Kỳ giao dịch trong Trung bình động

Chúng ta có thể sử dụng trung bình động 200 ngày để nhận biết các xu hướng dài hạn. Nếu không tính đến phí giao dịch, sử dụng trung bình động càng ngắn (tức là số kỳ tính toán ít hơn) thì càng hiệu quả. Chúng ta có thể sử dụng phần mềm phân tích kỹ thuật (xem trang 5) để tự động xác định số kỳ tối ưu để tính trung bình động. Chẳng hạn, các mũi tên mua/bán trong Hình 29 được hiển thị tự động bằng phần mềm MetaStock.

HÌNH 30

Ưu điểm và Hạn chế

Ưu điểm của hệ thống trung bình động (tức mua/bán khi giá phá vỡ đường trung bình động) là giúp nhà đầu tư luôn nắm bắt được xu hướng của thị trường. Giá không thể tăng nhiều nếu không vượt qua được mức giá trung bình, nghĩa là không làm xuất hiện tín hiệu mua vào. Giá cũng không thể giảm nhiều nếu không rơi xuống dưới đường trung bình động, nghĩa là chưa xuất hiện tín hiệu bán.

Hạn chế của hệ thống trung bình động là thường cho tín hiệu mua/bán chậm hơn biến động giá thực tế. Bên cạnh đó, nếu xu hướng không duy trì trong một khoảng thời gian đủ dài (thường là gấp đôi khoảng thời gian để tính trung bình động) thì nhà đầu tư sẽ bị thua lỗ. Chẳng hạn, Hình 29 cho thấy trong giai đoạn từ năm 1996 đến đầu 1997, giá ít biến động đã tạo ra nhiều tín hiệu nhiễu.

Giai đoạn phân vân của nhà đầu tư

Trung bình động cũng thường cho chúng ta thấy giai đoạn phân vân của nhà đầu tư (xem trang 19). Hình 31 thể hiện một thực tế phổ biến là giá chứng khoán thường phá vỡ đường trung bình động dài hạn, sau đó quay trở lại trước khi tiếp tục xu hướng.

HÌNH 31

CHỈ BÁO

Chỉ báo được tính dựa trên 2 tham số là giá chứng khoán và/hoặc khối lượng giao dịch. Kết quả tính toán được sử dụng để dự đoán sự thay đổi giá.

Trung bình động đáp ứng được các tiêu chí trong định nghĩa về một chỉ báo: Trung bình động được tính dựa trên giá chứng khoán để sử dụng cho việc dự đoán sự thay đổi giá.

Phần 2 (xem từ trang 45) sẽ đưa ra vô số ví dụ về chỉ báo. Phần này chỉ trình bày sơ lược về một chỉ báo đơn giản là Phân kỳ và Hội tụ của đường Trung bình động (MACD).

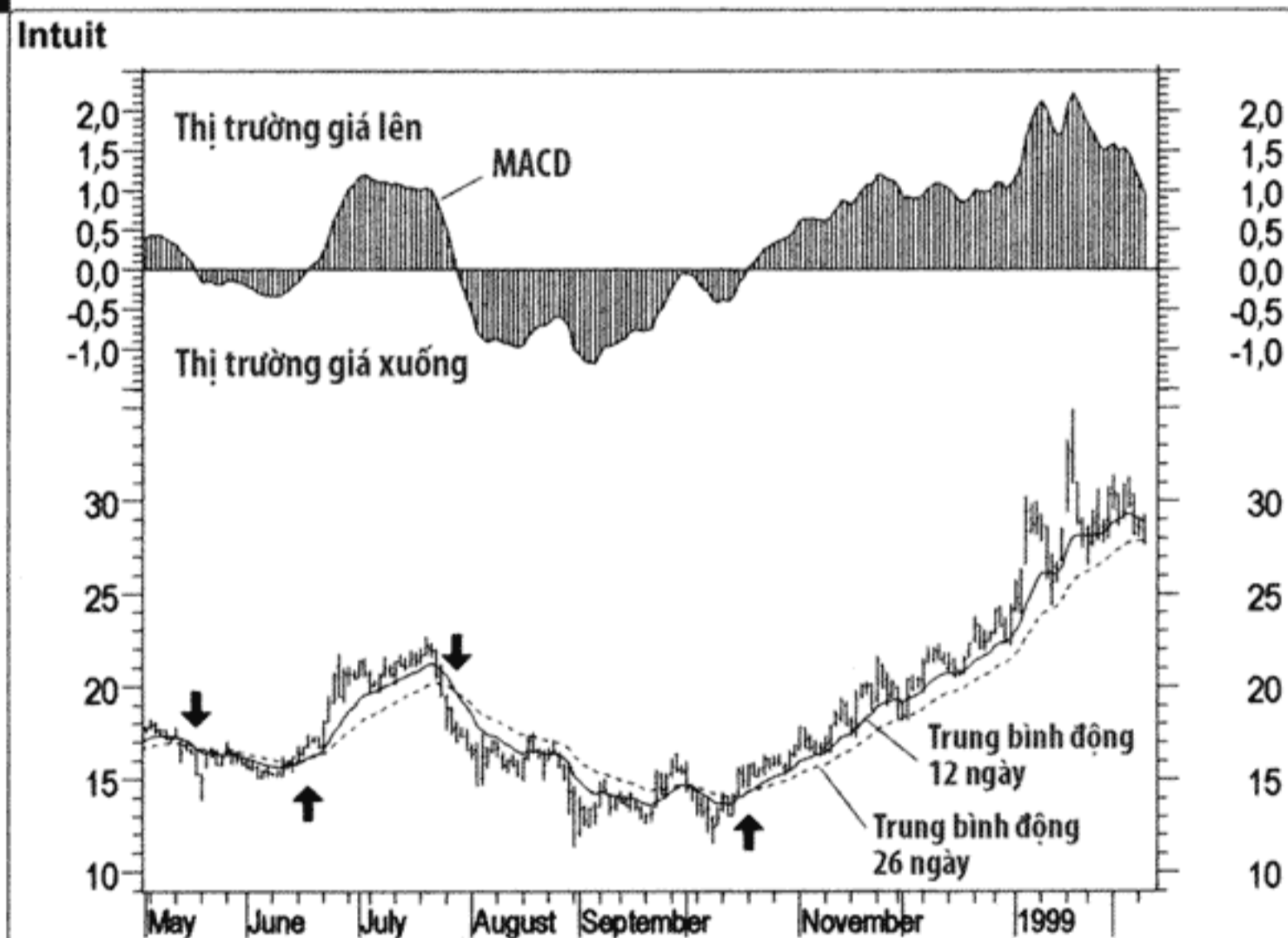
Phân kỳ và Hội tụ của đường Trung bình động (MACD)

MACD được tính bằng cách lấy trung bình động 12 ngày trừ đi trung bình động 26 ngày của giá chứng khoán. Kết quả nhận được là một chỉ báo dao động quanh mức 0.

MACD lớn hơn 0 có nghĩa là trung bình động 12 ngày cao hơn trung bình động 26 ngày. Đây là một dấu hiệu của thị trường giá lên vì cho thấy kỳ vọng gần đây

của nhà đầu tư (tức là trung bình động 12 ngày) lạc quan hơn so với kỳ vọng trước đó (tức là trung bình động 26 ngày). Điều này cũng cho thấy dấu hiệu dịch chuyển lên của đường cung/cầu. MACD rơi xuống dưới mức 0 có nghĩa là trung bình động 12 ngày thấp hơn trung bình động 26 ngày, đồng thời cho thấy dấu hiệu dịch chuyển xuống của đường cung/cầu.

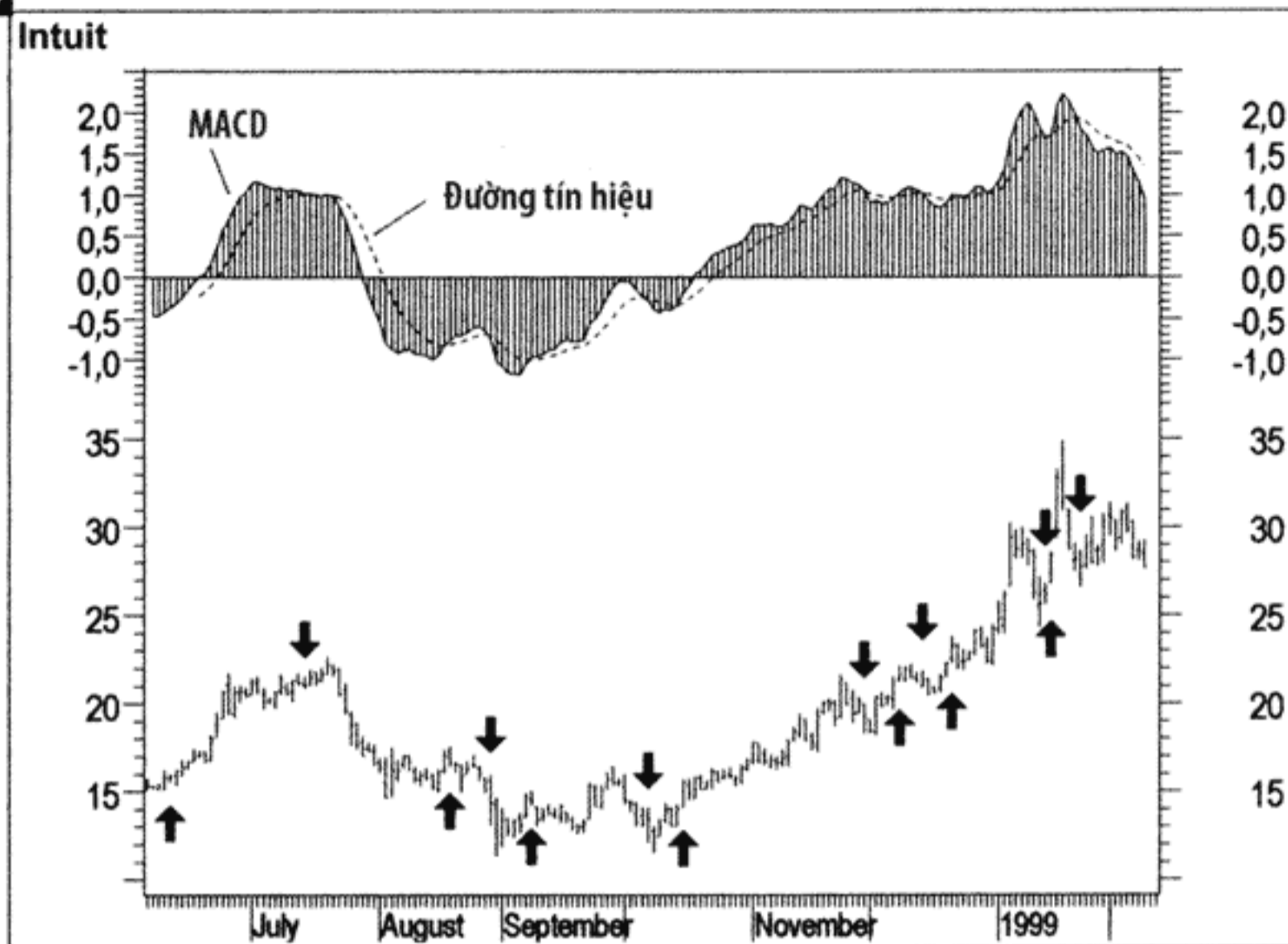
Hình 32 biểu thị đường giá và chỉ báo MACD của cổ phiếu Intuit. Mũi tên “mua” (hướng lên) xuất hiện khi MACD tăng lên trên mức 0 và mũi tên “bán” (hướng xuống) xuất hiện khi MACD giảm xuống dưới mức 0. Đường trung bình động 12 ngày và 26 ngày cũng được thể hiện trên biểu đồ giá.

HÌNH 32

Đường trung bình động 9 ngày của MACD (chứ không phải của giá cổ phiếu) thường được vẽ cùng với chỉ báo MACD. Đường này được gọi là “đường tín hiệu”. Đường tín hiệu này giúp dự báo sự hội tụ của hai đường trung bình động 12 ngày và 26 ngày (tức là MACD di chuyển về phía đường 0).

Hình 33 thể hiện MACD và đường tín hiệu của MACD (đường nét đứt). Mũi tên “mua” (hướng lên) xuất hiện khi MACD vượt lên trên đường tín hiệu, còn mũi tên “bán” (hướng xuống) xuất hiện khi MACD cắt xuống dưới đường tín hiệu. Có thể thấy phương pháp này giúp chúng ta nắm bắt được xu hướng của thị trường, mặc dù có nhiều tín hiệu nhiễu.

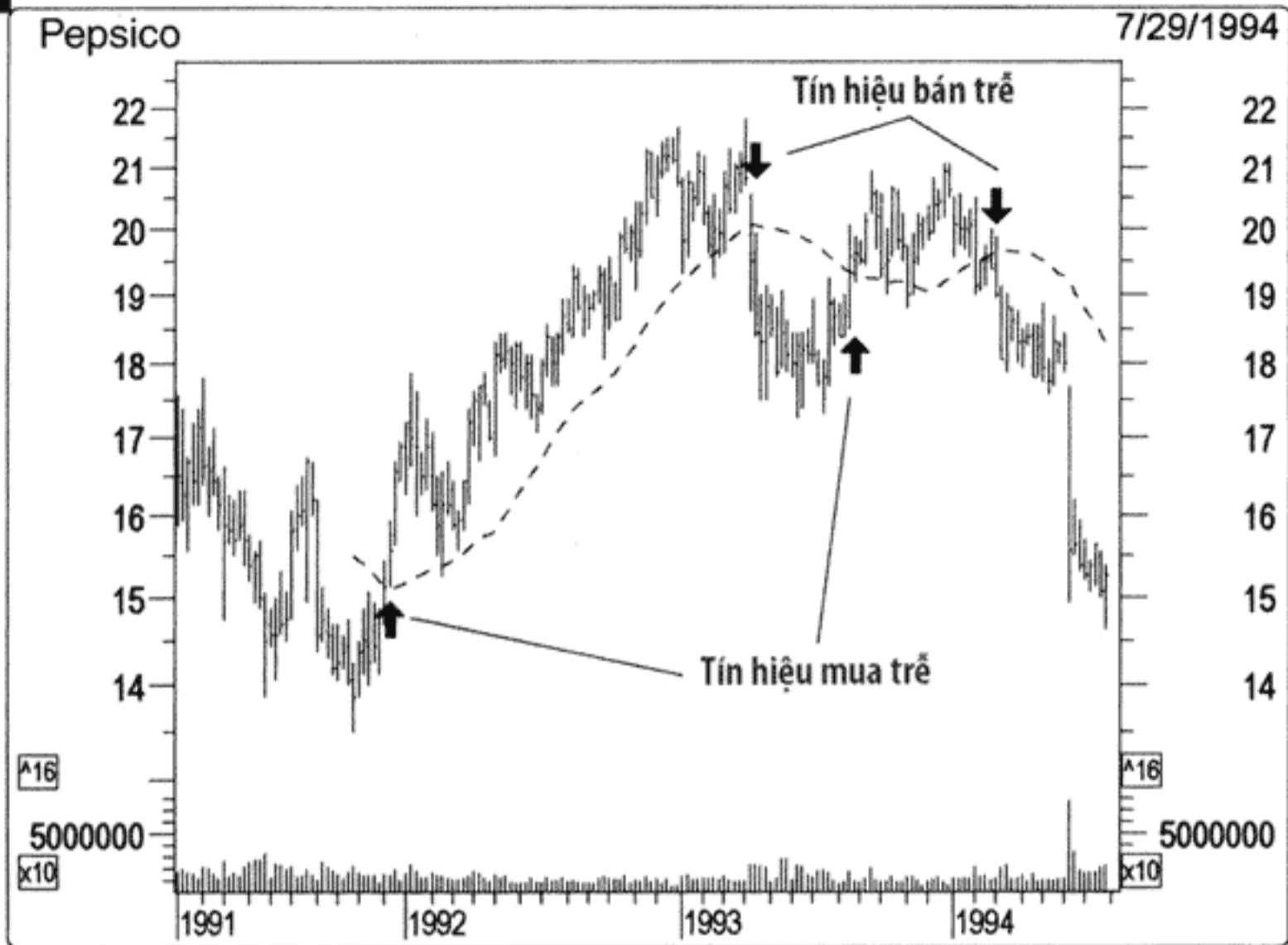
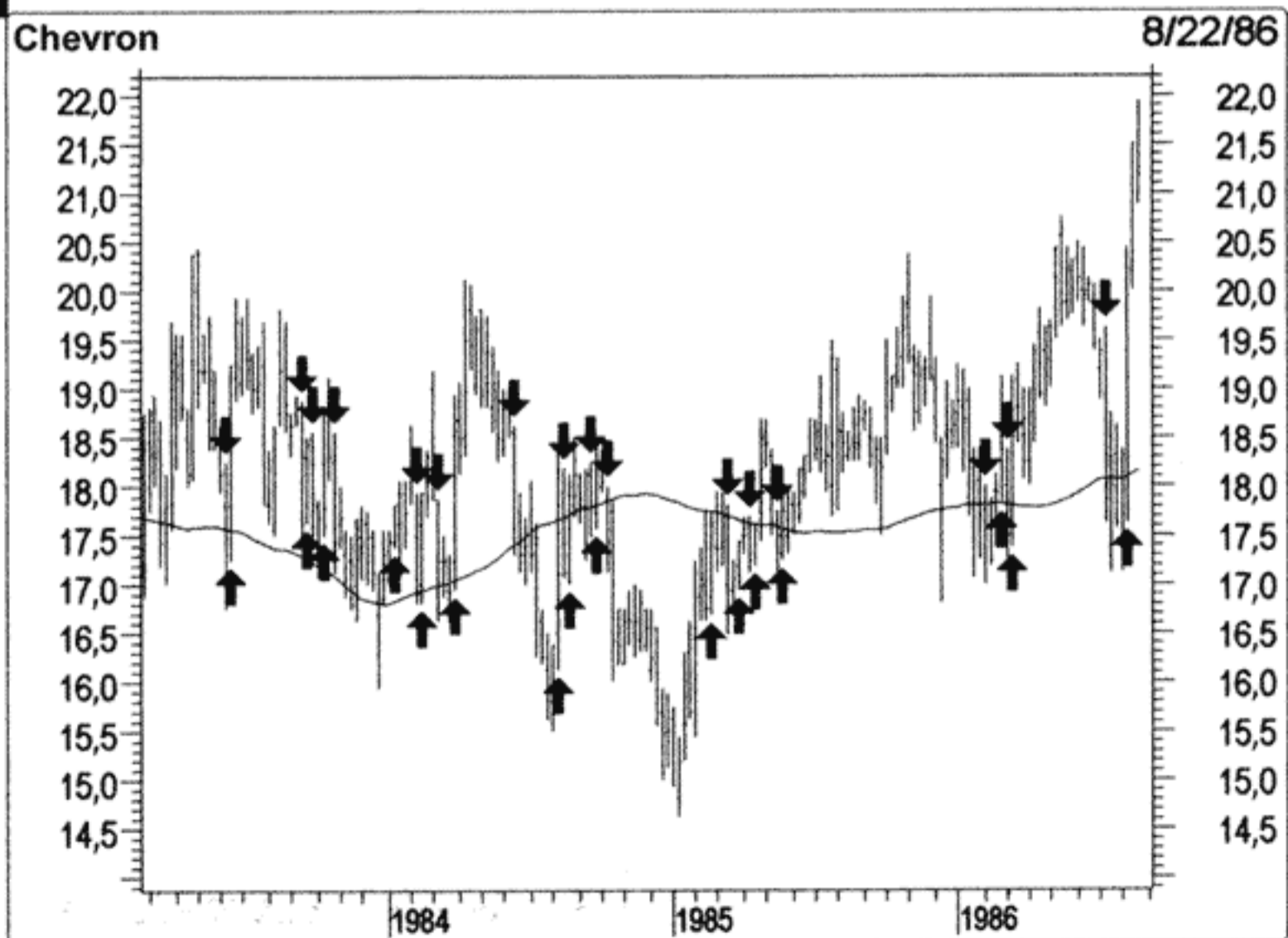
HÌNH 33



Hãy xem xét tính hợp lý trong cách sử dụng chỉ báo này. MACD là hiệu số giữa hai trung bình động. Đường trung bình động ngắn hạn vượt đường trung bình động dài hạn (MACD lớn hơn 0) cho thấy kỳ vọng của nhà đầu tư ngày càng lạc quan (tức là đường cung/cầu dịch chuyển lên). Bằng cách vẽ đường trung bình động 9 ngày của MACD, chúng ta có thể nhận biết được sự thay đổi kỳ vọng của nhà đầu tư (hay là sự dịch chuyển của đường cung/cầu).

Chỉ báo cho Tín hiệu sớm và Chỉ báo cho Tín hiệu trễ

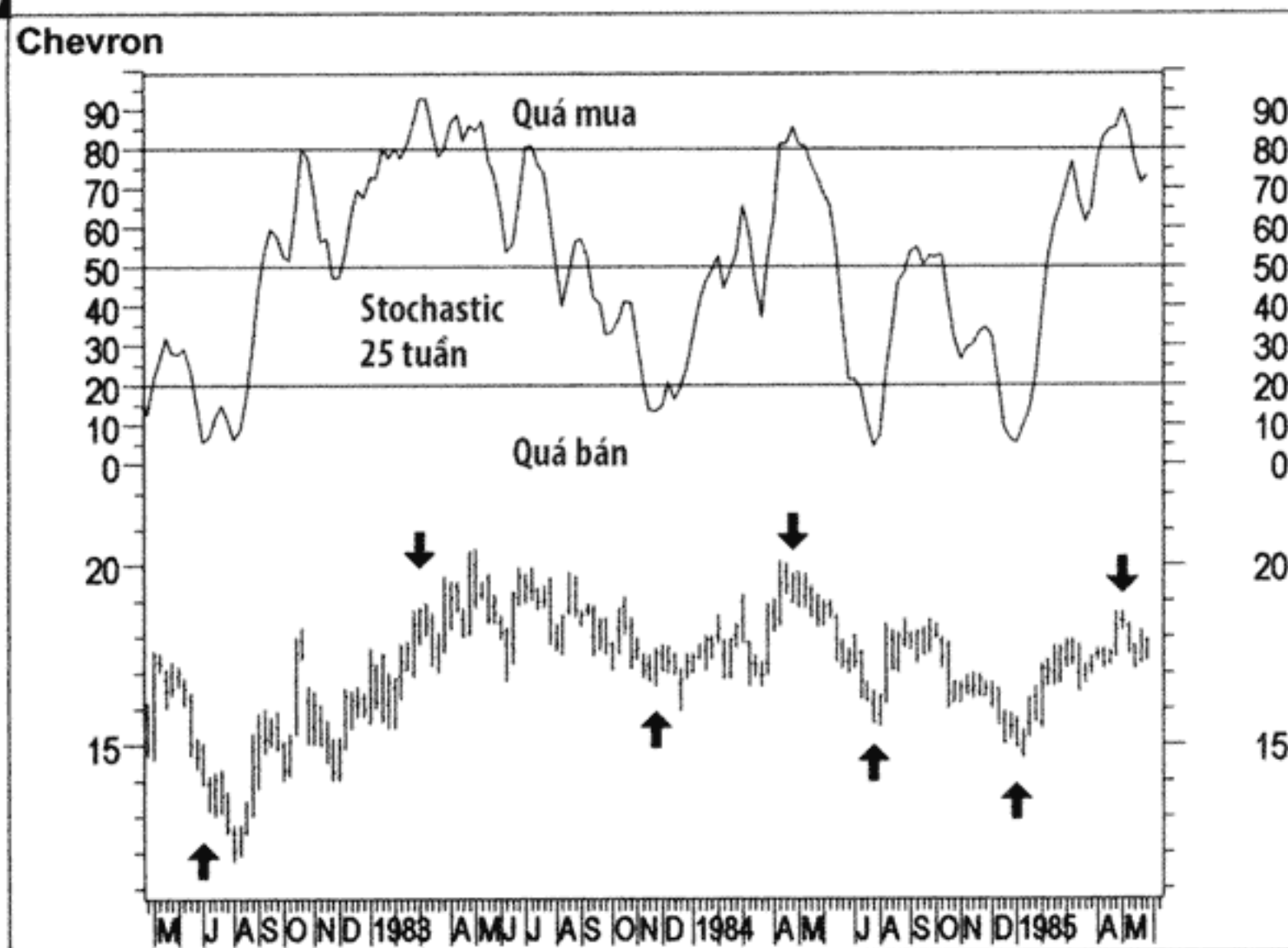
Trung bình động và MACD là những ví dụ của chỉ báo theo xu hướng (Trend following hoặc chỉ báo cho tín hiệu trễ (Lagging indicators, xem Hình 34). Chúng ta có thể thấy các tín hiệu mua/bán trong Hình 34 thường xuất hiện trễ nhưng cũng giúp nhà đầu tư thu được lợi nhuận khi hành động theo những xu hướng chính. Những chỉ báo này phát huy hiệu quả khi giá dịch chuyển theo xu hướng tương đối dài. Chúng không cảnh báo về những thay đổi sắp tới của giá mà đơn giản chỉ cho thấy xu hướng hiện tại của giá (chẳng hạn như đang tăng hay đang giảm) để nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định tương ứng. Chỉ báo theo xu hướng luôn cho tín hiệu mua/bán trễ nhưng lại giúp nhà đầu tư hạn chế rủi ro một cách hiệu quả bằng cách giữ họ theo đúng xu hướng thị trường.

HÌNH 34**HÌNH 35**

Hình 35 cho thấy các chỉ báo theo xu hướng không hiệu quả khi thị trường đi ngang.

Các chỉ báo cho tín hiệu sớm (Leading indicators) cấu thành nên một nhóm chỉ báo khác. Các chỉ báo này giúp chúng ta kiểm lời bằng việc dự đoán trước xu hướng giá và có cơ hội kiếm lời nhiều hơn do mức độ rủi ro cao hơn. Nhóm chỉ báo này hoạt động hiệu quả nhất khi thị trường đi ngang.

Thông thường, các chỉ báo cho tín hiệu sớm đo lường mức độ “quá mua” hay “quá bán” của chứng khoán. Công việc đo lường này được thực hiện dựa trên giả định rằng một chứng khoán trong vùng “quá bán” sẽ phục hồi trở lại. Hình 36 thể hiện biểu đồ giá theo tuần và chỉ báo Stochastic Oscillator (xem trang 321) của cổ phiếu Chevron. Mũi tên “bán” (hướng xuống) xuất hiện khi Stochastic Oscillator tạo đỉnh trong vùng quá mua và mũi tên “mua” (hướng lên) xuất hiện khi Stochastic Oscillator tạo đáy trong vùng quá bán. Chúng ta có thể thấy đây là những tín hiệu cảnh báo sớm về sự đảo chiều của giá.

HÌNH 36

Việc dùng chỉ báo cho tín hiệu sớm hay chỉ báo cho tín hiệu trễ tùy thuộc vào mỗi người. Theo kinh nghiệm của tôi thì hầu hết các nhà đầu tư (kể cả tôi) thường đi theo xu hướng thay vì dự báo xu hướng. Vì vậy, cá nhân tôi thích sử dụng những chỉ báo cho tín hiệu trễ. Tuy nhiên, tôi đã gặp rất nhiều nhà đầu tư thành công khi sử dụng các chỉ báo cho tín hiệu sớm.

Giá có xu hướng và Giá đi ngang

Người ta đã phát triển một số hệ thống giao dịch và chỉ báo để xác định liệu giá đang có xu hướng (tức là dịch chuyển mạnh theo một hướng xác định) hay đi

ngang (tức là giá dao động trong biên độ hẹp). Chúng ta có thể sử dụng chỉ báo cho tín hiệu trễ (xem trang 33) trong giai đoạn thị trường có xu hướng và sử dụng chỉ báo cho tín hiệu sớm trong giai đoạn thị trường đi ngang.

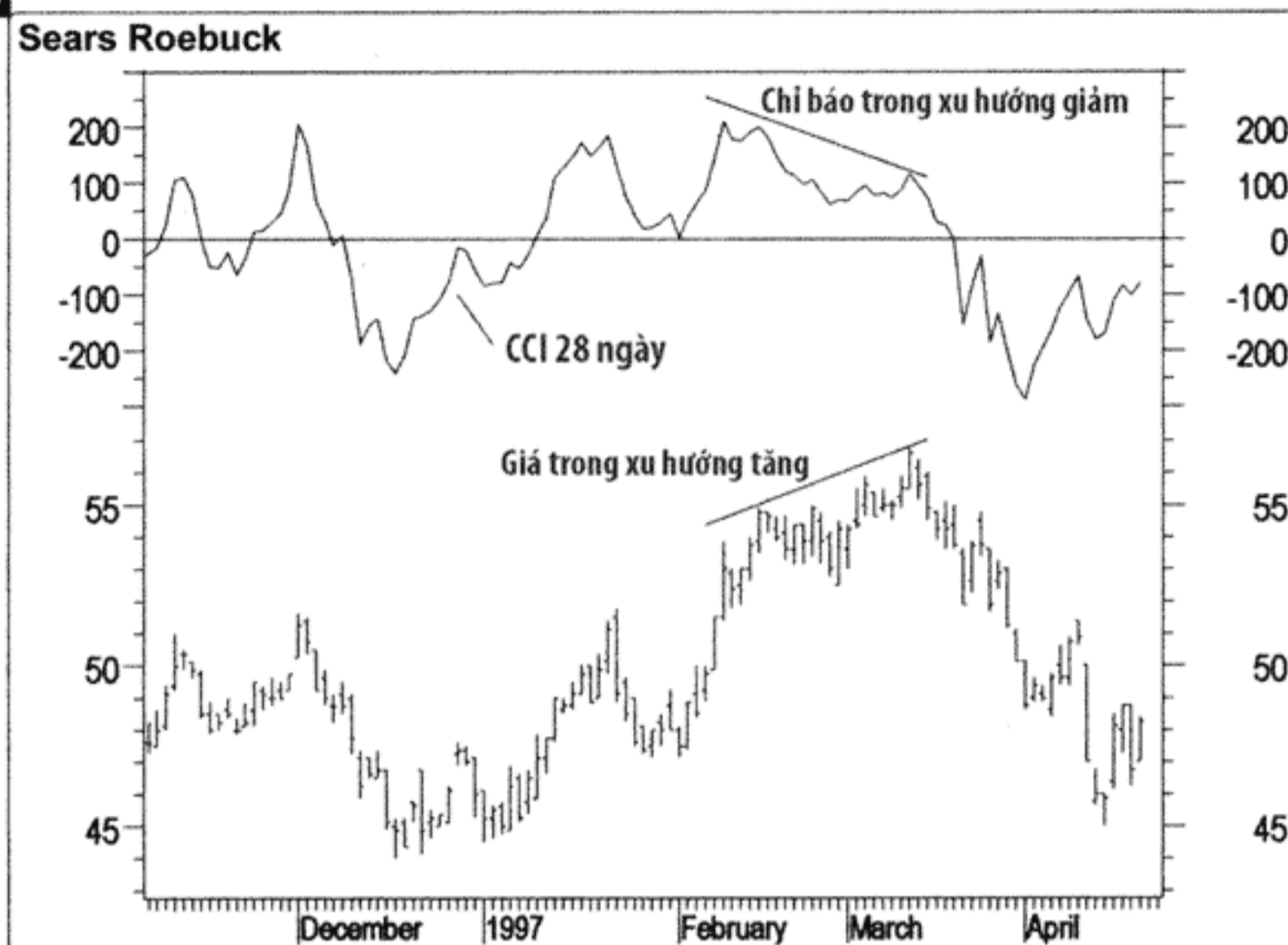
Lưu ý rằng, dù khá dễ dàng để xác định giá đang có xu hướng hay đi ngang nhưng sẽ cực kỳ khó khăn để biết được sau đó giá sẽ tiếp tục đi theo xu hướng hay đi ngang. Hình 37 cho thấy giá cổ phiếu The Washington Post đi ngang trong suốt 2 năm trước khi đi theo xu hướng trong 2 năm tiếp theo.

HÌNH 37

Các chỉ báo giúp xác định giá đang có xu hướng hay đi ngang bao gồm Aroon (xem trang 64), Chande Momentum Oscillator (xem trang 100), Commodity Selection Index (xem trang 106), Directional Movement (xem trang 119), MESA Sine Wave (xem trang 193), Polarized Fractal Efficiency (xem trang 256), Random Walk Index (xem trang 285), Vertical Horizontal Filter (xem trang 351) và r-Squared (xem trang 282).

Phân kỳ

Phân kỳ xuất hiện khi xu hướng giá chứng khoán biến động không đồng nhất với xu hướng của chỉ báo. Phần 2 đưa ra nhiều ví dụ minh họa về phân kỳ.

HÌNH 38

Hình 38 biểu thị phân kỳ giữa giá cổ phiếu Sears Roebuck và chỉ báo CCI 28 ngày (Commodity Channel Index, xem trang 103). Giá cổ phiếu Sears xác lập đỉnh mới trong khi CCI lại không. Khi phân kỳ xuất hiện, giá thường đổi hướng để xác nhận xu hướng của chỉ báo (Hình 38). Nguyên nhân là vì các chỉ báo xác định xu hướng tốt hơn so với giá.

CHỈ BÁO THỊ TRƯỜNG

Các công cụ phân tích kỹ thuật đề cập từ đầu sách đến giờ đều được tính dựa vào các thông số giá (chẳng hạn như giá mở cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất, giá đóng cửa) và có thể thêm khối lượng giao dịch. Có một nhóm các công cụ phân tích kỹ thuật khác có thể giúp chúng ta dự đoán biến động của tất cả chứng khoán trong một thị trường nhất định. Các chỉ báo này thường được gọi là “chỉ báo thị trường” vì chúng đo lường sự biến động của toàn thị trường chứ không chỉ của một cổ phiếu đơn lẻ. Người ta thường sử dụng chỉ báo thị trường trong phân tích thị trường chứng khoán dù các chỉ báo này cũng có thể được sử dụng trong các thị trường khác (chẳng hạn như thị trường giao dịch hợp đồng tương lai).

Dữ liệu của một cổ phiếu đơn lẻ chỉ hạn chế ở các thông số giá mở cửa, giá đóng cửa, giá cao nhất, giá thấp nhất, khối lượng giao dịch (xem trang 6) và thỉnh thoảng có thêm báo cáo tài chính. Trong khi đó, có vô số dữ liệu về thị trường chứng khoán, chẳng hạn như số cổ phiếu xác lập các đỉnh mới trong ngày, số lượng cổ phiếu tăng giá, khối lượng giao dịch của các cổ phiếu tăng giá,... Chúng ta không thể tính chỉ báo thị trường cho cổ phiếu đơn lẻ vì không có đủ dữ liệu cần thiết.

Các chỉ báo thị trường giúp phân tích kỹ thuật hiệu quả hơn vì các chỉ báo này cung cấp thêm nhiều thông tin ngoài giá và khối lượng giao dịch. Một phương pháp phổ biến là sử dụng các chỉ báo thị trường để xác định xu hướng chung của thị trường và sau đó sử dụng các chỉ báo giá/khối lượng giao dịch để xác định thời điểm mua/bán một chứng khoán. Dựa vào lập luận “Nước lên, thuyền lên”, sẽ ít rủi ro hơn khi sở hữu chứng khoán trong giai đoạn thị trường tăng.

Phân loại Chỉ báo thị trường

Chỉ báo thị trường bao gồm ba nhóm cơ bản: chỉ báo tiền tệ, chỉ báo tâm lý và chỉ báo cường độ dao động.

Chỉ báo Tiền tệ chú trọng vào các số liệu kinh tế, chẳng hạn như lãi suất. Chỉ báo này giúp nhà đầu tư có thông tin về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Các yếu tố bên ngoài này tác động trực tiếp đến khả năng sinh lời và giá cổ phiếu.

Một số ví dụ về chỉ báo tiền tệ là lãi suất, cung tiền, dư nợ tiêu dùng, dư nợ doanh nghiệp và lạm phát. Mặc dù có rất nhiều chỉ báo tiền tệ nhưng cuốn sách này chỉ trình bày một số chỉ báo cơ bản.

Chỉ báo Tâm lý thị trường tập trung vào kỳ vọng của nhà đầu tư - thường là trước khi những kỳ vọng này được phản ánh vào giá. Với mỗi chứng khoán đơn lẻ, giá thường là thông số duy nhất để đo lường tâm lý nhà đầu tư. Tuy nhiên, đối với một thị trường lớn như Sở Giao dịch Chứng khoán New York, có rất nhiều chỉ báo tâm lý thị trường, chẳng hạn như chỉ báo giao dịch lô nhỏ (phản ánh nhà đầu tư nhỏ đang làm gì), tỷ lệ quyền chọn bán/mua (phản ánh tỷ lệ giữa số lượng hợp đồng quyền chọn bán và quyền chọn mua là bao nhiêu), hệ số chênh lệch giá lên trong giao dịch hợp đồng chỉ số tương lai, tỷ lệ các chuyên gia tư vấn cho rằng thị trường lên/xuống,...

Những nhà đầu tư “đi ngược xu hướng” sử dụng chỉ báo tâm lý thị trường để xác định tâm lý đám đông rồi sau đó làm ngược lại. Những nhà đầu tư này lập luận

nếu đám đông đã kỳ vọng giá tăng thì có thể không còn nhiều nhà đầu tư mua vào để đẩy giá lên cao hơn nữa. Khái niệm này được kiểm chứng qua hiện tượng hầu hết nhà đầu tư đều lạc quan tại các mức đỉnh của thị trường (thời điểm đáng lẽ nên bán ra) và đều bi quan tại các mức đáy (thời điểm đáng lẽ nên mua vào).

“Người theo đám đông sẽ không bao giờ thuyết phục được đám đông”.

—R. S. Donnell

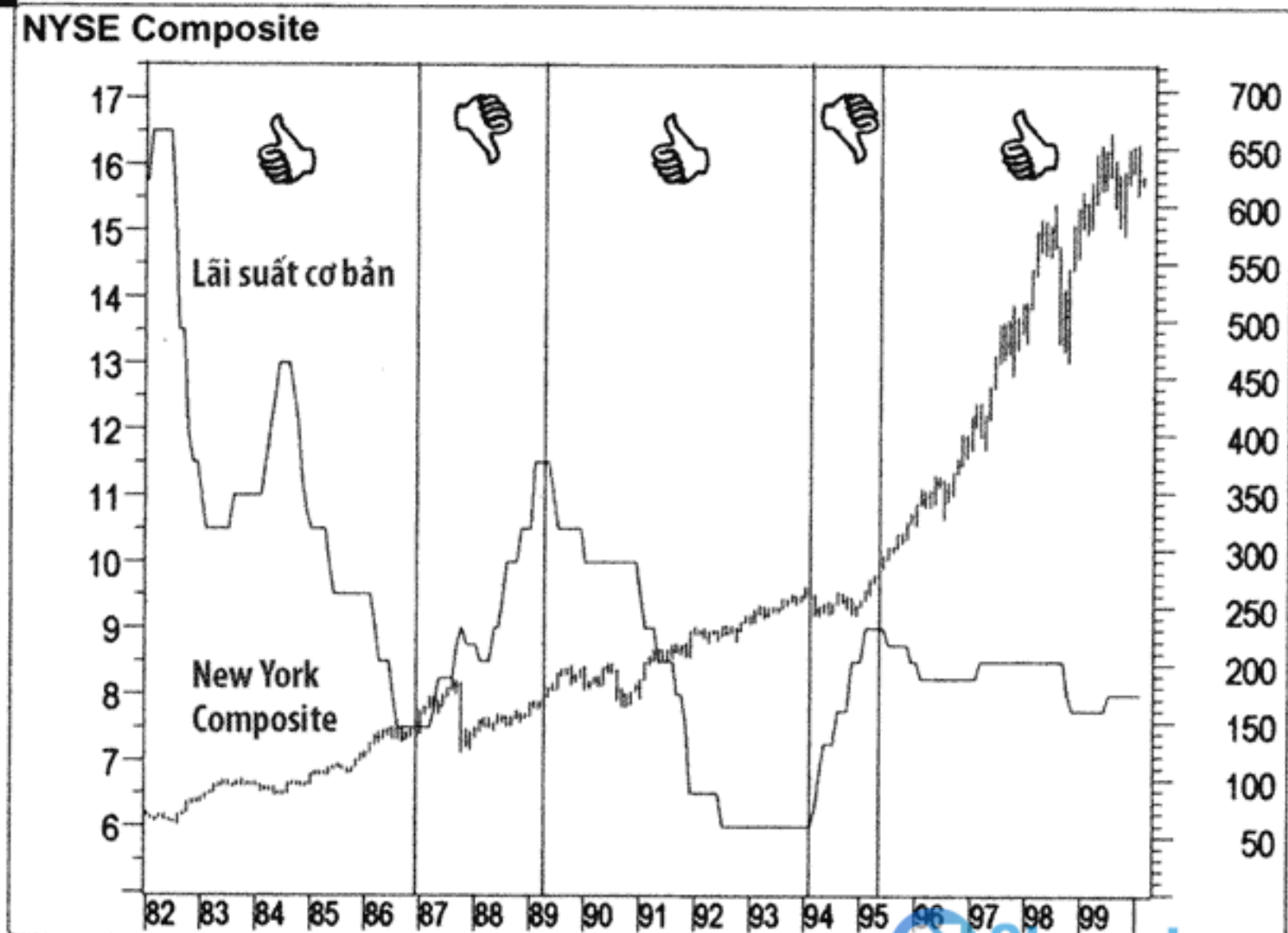
Chỉ báo Cường độ dao động thị trường chỉ ra xu hướng biến động của giá, nhưng không chỉ dựa vào giá. Chỉ báo cường độ dao động bao gồm tất cả các chỉ báo giá/khối lượng giao dịch có thể áp dụng cho các chỉ số thị trường (chẳng hạn như MACD của DJIA), số cổ phiếu thiết lập đỉnh mới so với số cổ phiếu thiết lập đáy mới, mối liên hệ giữa số cổ phiếu tăng và cổ phiếu giảm giá, cũng như sự tương quan giữa tổng khối lượng giao dịch của chứng khoán tăng giá và tổng khối lượng giao dịch của chứng khoán giảm giá.

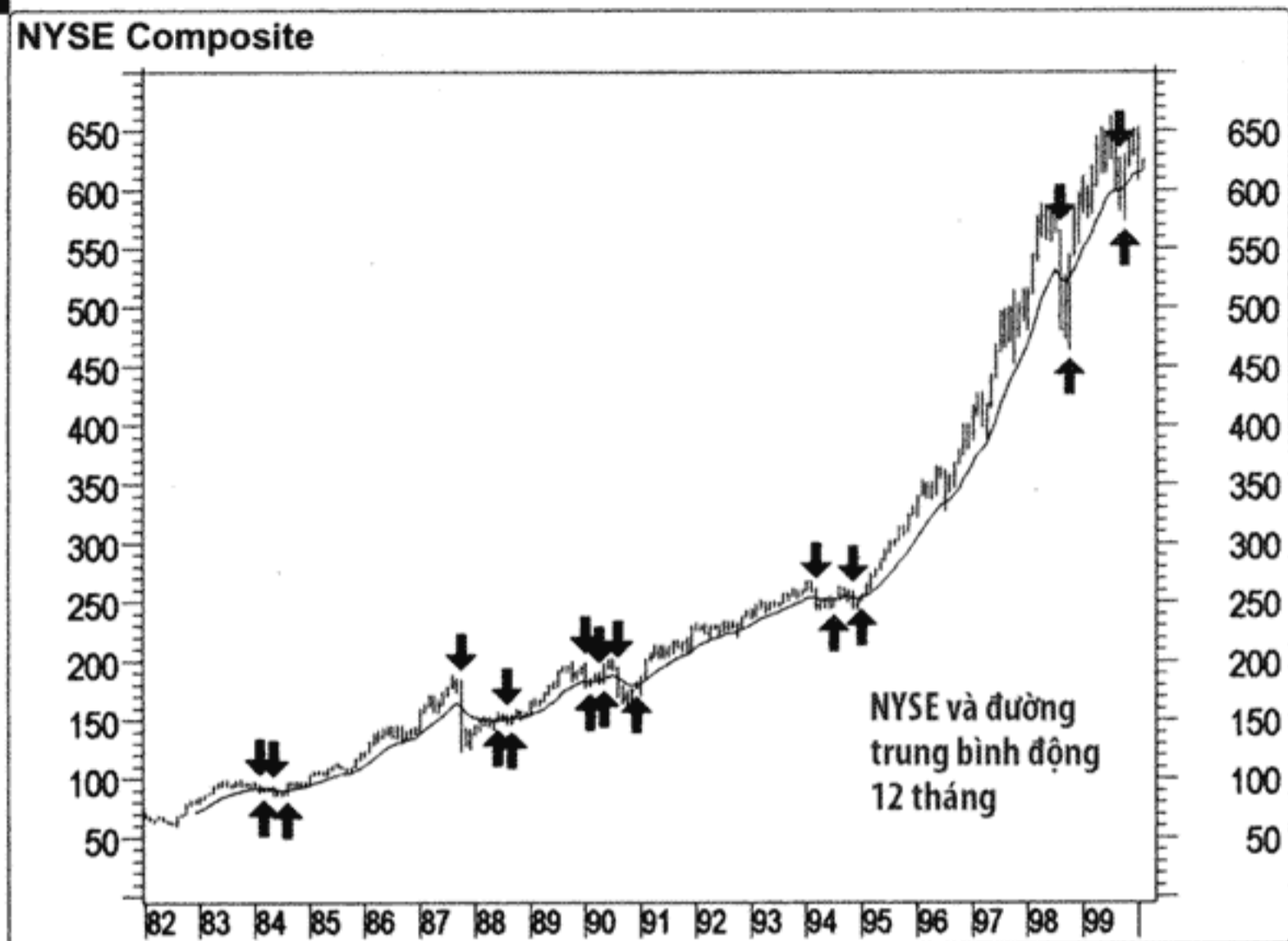
Ba nhóm chỉ báo thị trường này cho chúng ta cái nhìn thấu đáo về những điều sau:

1. Các yếu tố của thị trường tiền tệ có ảnh hưởng đến giá chứng khoán và giúp chúng ta dự đoán xu hướng giá.
2. Tâm lý đám đông giúp chúng ta nhận biết kỳ vọng giá của nhà đầu tư.
3. Cường độ dao động hiện tại của thị trường giúp chúng ta nhận biết xu hướng dịch chuyển của giá.

Hình 39 biểu thị Chi số tổng hợp của Sở Giao dịch Chứng khoán New York (NYSE Composite Index) và lãi suất cơ bản (một chỉ báo tiền tệ). Đồ thị này cho chúng ta thấy chỉ số tăng khi lãi suất cơ bản giảm và ngược lại.

HÌNH 39

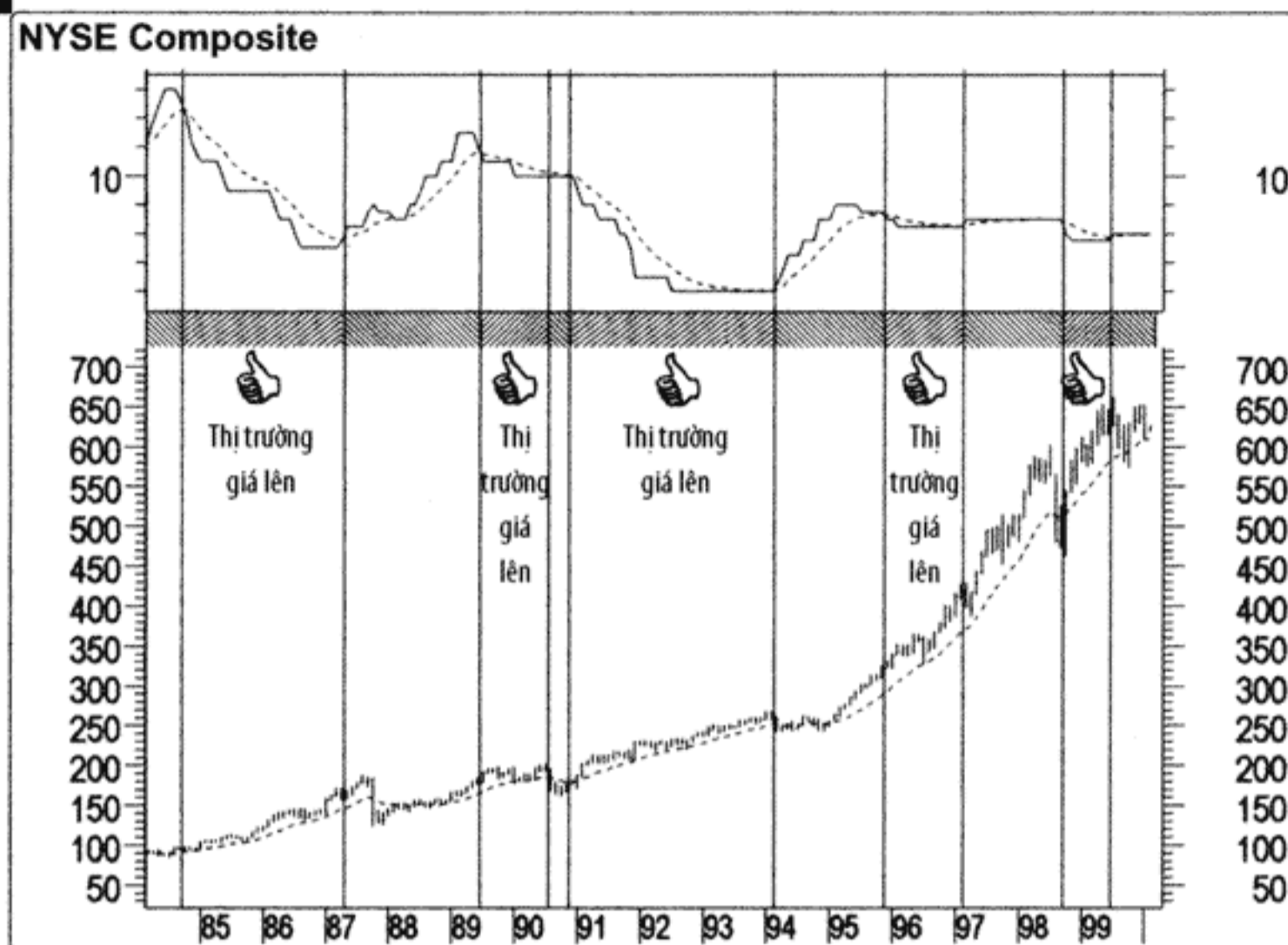


HÌNH 40

Hình 40 biểu thị trung bình động 12 tháng (một chỉ báo cường độ dao động) của chỉ số New York Composite. Mũi tên “mua” xuất hiện khi chỉ số vượt lên trên đường trung bình động 12 tháng; mũi tên “bán” xuất hiện khi chỉ số cắt xuống dưới đường trung bình này. Mặc dù chiến lược mua và nắm giữ hoạt động hiệu quả trong thị trường có xu hướng lên như trong Hình 40, nhưng chúng ta có thể thấy rõ chỉ báo cường độ dao động đã bắt kịp mọi dịch chuyển đáng kể của thị trường.

Hình 41 là sự kết hợp của chỉ báo tiền tệ và chỉ báo cường độ dao động được đề cập ở trên. “Dấu hiệu tán thành” (thumbs-up) xuất hiện khi lãi suất cơ bản giảm xuống dưới đường trung bình động 10 tháng (lãi suất đang giảm) và chỉ số NYSE Composite vượt lên trên đường trung bình động 15 tháng. Đồ thị này cho thấy giá chứng khoán liên tục tăng trong suốt giai đoạn thị trường giá lên và nhà đầu tư nên thoát ra khỏi thị trường khi không có “dấu hiệu tán thành” để tránh tình trạng bán tháo như những năm 1987, 1990 và 1998.

Hình 41 là ví dụ minh họa thêm về một phương diện của trò chơi roulette và dự báo thời tiết như đã trình bày ở trang 3 và 4. Chúng ta không cần phải biết chính xác giá chứng khoán sẽ như thế nào, mà đơn giản chỉ chuyển đổi vị thế của mình sao cho hợp lý. Tại bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn được thể hiện trong đồ thị này, chúng ta không thể biết xu hướng thị trường sáu tháng sau. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng cổ phiếu thường có khuynh hướng tăng giá khi lãi suất giảm và khi NYSE Composite vượt lên trên đường trung bình động dài hạn. Chúng ta có thể giảm thiểu rủi ro và nâng cao cơ hội kiếm lời bằng cách hạn chế mua vào trong các giai đoạn cả hai chỉ báo này đều tăng.

HÌNH 41

CÁC CÔNG CỤ PHÂN TÍCH DẠNG ĐƯỜNG

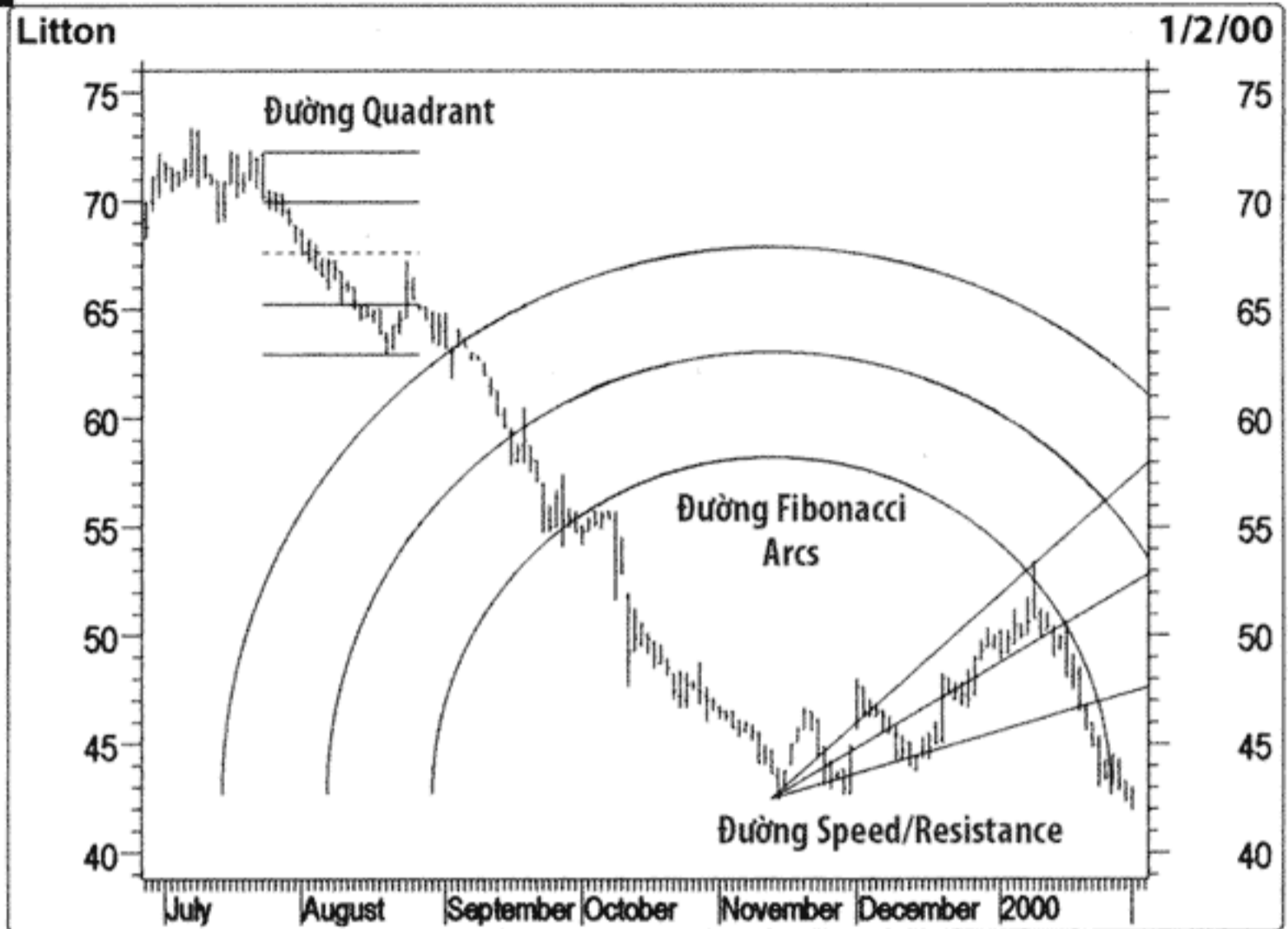
Công cụ phân tích dạng đường bao gồm các đường được vẽ dựa trên giá và/hoặc chỉ báo của chứng khoán. Những công cụ này bao gồm ngưỡng hỗ trợ/kháng cự và đường xu hướng.

Hình 42 minh họa một số công cụ phân tích dạng đường. Phần 2 của cuốn sách trình bày cách sử dụng các công cụ này cũng như nhiều dạng khác.

CÁCH TIẾP CẬN ĐIỂN HÌNH

Cuốn sách này trình bày rất nhiều công cụ phân tích kỹ thuật. Bước khó nhất của phân tích kỹ thuật có lẽ là việc xác định nên sử dụng công cụ nào. Chúng ta có thể tham khảo cách tiếp cận sau:

1. **Xác định điều kiện tổng quan của thị trường.** Nếu chúng ta đang giao dịch chứng khoán vốn (chẳng hạn như cổ phiếu), hãy xác định xu hướng của lãi suất, xu hướng của chỉ số NYSE Composite và diễn biến tâm lý của nhà

HÌNH 42

đầu tư (thông qua báo chí), nhằm xác định xu hướng tổng quan của thị trường.

2. **Chọn chứng khoán.** Chúng ta nên chọn cổ phiếu của một công ty hay một ngành nghề mà chúng ta biết rõ, hoặc theo khuyến nghị của chuyên viên phân tích đáng tin cậy (có thể là phân tích cơ bản, xem trang 151) để hoàn thiện phương pháp phân tích kỹ thuật của mình.
3. **Xác định xu hướng chung của chứng khoán.** Xác định trung bình động 200 ngày (hay 39 tuần) theo giá đóng cửa và chỉ mua khi giá vượt lên trên trung bình động (cơ hội mua tốt nhất là khi giá chỉ vừa vượt lên trên trung bình động dài hạn này).
4. **Chọn xuất phát điểm.** Chúng ta sử dụng các chỉ báo phù hợp để giao dịch và chỉ mua/bán khi thị trường và chứng khoán quan tâm có cùng xu hướng.

Kinh nghiệm là yếu tố đặc biệt quan trọng đem lại sự thành công trong phân tích kỹ thuật. Mục đích của phân tích kỹ thuật không phải là đi tìm cái gì cao siêu mà chỉ để hạn chế rủi ro (chẳng hạn giao dịch theo xu hướng chung của thị trường) và tận dụng cơ hội (sử dụng chỉ báo phù hợp để xác định thời điểm giao dịch). Gừng càng già càng cay!

“Kẻ ngốc và người khôn ngoan không bao giờ có cùng chí hướng”.

—William Blake, 1790

TỔNG KẾT

Tổng kết của phần giới thiệu về phân tích kỹ thuật dưới đây được đúc kết từ trải nghiệm của các chuyên gia phân tích kỹ thuật:

- Không bình quân giá xuống khi đang lỗ (tức là không mua thêm cổ phiếu khi giá giảm). Chúng ta thường tự trấn an rằng chưa bán là chưa lỗ nhưng thực sự chúng ta đã lỗ.
- Khi sở hữu chứng khoán, hàng ngày hãy tự vấn bản thân có nên mua chứng khoán đó không. Nếu không, có lẽ nên bán chứng khoán đó đi.
- Đừng choáng ngợp trước kỹ năng đầu tư của người khác. Hầu hết các nhà đầu tư chỉ nói về thành công và điều này khiến chúng ta mất phương hướng và thiếu tự tin.
- Đầu tư khôn ngoan không thể dựa vào vận may mà phải sử dụng các chiến lược thích hợp để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận.
- Hãy nắm vững kiến thức cơ bản. Thay vì nghiên cứu các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến giá chứng khoán như là cung và cầu thì đa số các nhà đầu tư lại dành thời gian tìm cách kiếm tiền nhanh nhất (nhưng đây không phải là một điều dễ làm).

Chúng ta sẽ tiếp tục bỏ lỡ cơ hội nếu cứ hối tiếc về những cơ hội đã qua.

—Jerome K. Jerome, 1889

Bạn có thể tham khảo thêm bảng tính, bản hiệu đính, sách liên quan và các thông tin bổ sung tại [AtoZbook.com](https://www.AtoZbook.com).